

SỐ 207

KINH TẠP THÍ DỤ

Sưu tập: Tỳ-kheo Đạo Lược.

1. Chùa Tước ly, thầy dẫn chú Sa-di xuống núi.
2. Thánh vương sinh chín trăm chín mươi chín người con.
3. Anh em đều làm Sa-môn.
4. Nhạc sĩ trẻ siêng hòa nhạc.
5. Thầy Tỳ-kheo bị đuổi.
6. Tôn giả Mục-kiền-liên và đệ tử từ Kỳ-xà-quật hạ sơn.
7. Bồ-tát Hỷ Căn.
8. Thợ điêu khắc cùng nhà họa sĩ.
9. Nhân duyên vợ Đại Ca-diếp.
10. Sư huynh ưa Thiên, sư đệ thích Đa văn.
11. Ngài La Vân Châu.
12. Rồng làm mưa.
13. Đi trong đất thanh tịnh của chúng Tăng.
14. Xả bỏ nước giải cho quý nhân.
15. Đức Phật cùng đệ tử vào Xá-vệ khát thực.
16. Ngự y trị bệnh cho nhà vua.
17. Mưa độc.
18. Nhân duyên A-tu-la.
19. Hoàng tử vào núi tu hành.
20. Rừng nai.
21. Thi-lợi-câu-đa.
22. Đến nhà Bà-la-môn khát thực.
23. Người nhà quê.
24. Đọc chú cảm hóa rồng.
25. Tảng đá giữa đường và chuyện đầu và đuôi rắn tranh nhau.
26. Thợ săn bắt chim.
27. Năm trăm lực sĩ làm Sa-môn.
28. Ba nơi nường tựa vững chắc cần yếu.

29. Bán sữa (đặc) để nuôi sống.
30. Năm trăm thương khách vào biển tìm của báu.
31. Nhân duyên kiếp tận lửa thiêu và nhân duyên quý nhân là Tỳ-kheo-ni.
32. Cỏ cây đều có thể làm thuốc.
33. Đồ tế trẻ.
34. Đức vua ưa bố thí.
35. Rồng giữ nước mưa.
36. Nhân duyên Thánh vương được xe báu kim luân.
37. Phạm vương sống lâu.

M

1- Ngày xưa ở chùa Tước ly có một vị Tỳ-kheo là bậc trưởng lão đã được đạo quả A-la-hán. Thầy cùng với chú Sa-di đi vào thành thăm viếng. Y, bình bát và các vật dụng nặng chú mang theo sau hầu thầy. Chú Sa-di đang đi trên đường suy nghĩ: “Con người sinh ra trong thế gian không ai là không chịu khổ. Muốn ra khỏi nỗi khổ này nên tu theo đường lối nào?”. Chú suy nghĩ tiếp: “Đức Phật thường tán thán Bồ-tát là thù thắng, ta nay nên phát tâm tu Bồ-tát hạnh.”

Khi chú suy nghĩ như vậy, vị thầy dùng tha tâm thông biết rõ ý kia. Thầy nói với chú Sa-di:

–Con đưa y bát đây.

Chú đem y bát trao cho thầy. Thầy nói với chú Sa-di:

–Cho con đi trước.

Khi đang đi trước, chú Sa-di lại suy nghĩ: “Nếu tu theo Bồ-tát đạo phải siêng năng cực khổ. Có người xin đầu phải cho đầu, xin mắt phải bố thí mắt, việc này rất khó, sợ ta làm không xong. Chi bằng tu hạnh Thanh văn để chứng quả A-la-hán mới mau lìa khổ.”

Thầy cũng biết được ý nghĩ của Sa-di nên nói với chú ấy:

–Người hãy mang y bát đi sau.

Như vậy ba lần, chú Sa-di rất ngạc nhiên, không biết thầy có ý gì. Khi đến chỗ nghỉ, chú chấp tay thưa hỏi ý nghĩa kia. Vị thầy dạy:

–Người đối với Bồ-tát đạo ba lần muốn tiến tu, ta cũng ba lần cho người đi trước. Tâm người ba lần thoái thất nên phải để người đi theo sau làm phận sự. Vì sao như vậy? Vì người phát tâm tu hạnh Bồ-tát, công đức của vị ấy thù thắng hơn người thành tựu đạo quả A-la-hán và tràn đầy cả ba ngàn thế giới vậy.

M

2- Ngày xưa có đức Chuyển luân thánh vương đã sinh chín trăm chín mươi chín người con. Tất cả đều lớn khôn tuấn tú, thông minh trí tuệ, sức khỏe cường tráng. Trong các người con, hoặc có người đủ hai mươi tám tướng, hoặc có người đủ ba mươi tướng, hoặc có người đủ ba mươi một tướng tốt. Cuối cùng có một người con vừa mới vào thai mẹ, hoàn cảnh chung quanh đều không trong sạch mà có các hàng Bát bộ, Quỷ thần đầy năng lực, dùng trống nhạc đàn ca để hầu hạ, hộ vệ người mẹ. Vua cũng ra lệnh cho người ứng trực hai bên để cúng dường, cung cấp đầy đủ các thứ trang sức... gấp bội bình thường.

Thời ấy có người thấy vậy thưa vua:

–Đại vương trước đã có các người con nay đều đã trưởng thành, trí tuệ thông triệt, thân tướng tốt đẹp, tâm vua vẫn bình thản, an nhiên chưa có vui mừng. Nay người con này mới vào thai mẹ, có gì đặc biệt mà chu cấp khác thường như vậy?

Vua đáp:

–Các người con lớn của ta tuy tài ba, tốt đẹp hơn người, nhưng chưa có người nào đủ điều kiện để bước lên địa vị lớn. Người con sau cùng này nếu được sinh và lớn lên, tất sẽ đủ cương lĩnh để nhận trách nhiệm lớn.

Thánh vương thời ấy cũng ví dụ như Phật vậy. Các người con lớn cũng như hàng Nhị thừa, người con sinh sau cùng cũng ví dụ như Bồ-tát. Bồ-tát tuy cũng còn có trần cấu, nhưng thường phát tâm rộng lớn, được chư Phật hộ niệm; Trời, Rồng, Quỷ thần đều phát tâm cung kính mến trọng.

M

3- Ngày xưa, vào thời Đức Phật Ca-diếp, có hai anh em đều xuất gia làm Sa-môn. Người anh thích trì giới, tọa thiền, một lòng cầu đạo mà không ưa bố thí. Người em thích bố thí, tu phước mà lại ưa phá giới.

Khi Đức Phật Thích-ca ra đời, người anh gặp Phật xuất gia tu hành, sau được đạo quả A-la-hán, nhưng vì ngài bạc phước, hằng ngày việc cơm ăn, áo mặc cũng không đủ. Cùng các bạn đạo đi khát thực, chỉ riêng ngài chịu đói mà trở về.

Người em sinh trong loài voi, là một con voi nhiều sức lực, có thể trừ khử oán địch, được nhà vua quý trọng, nên dùng tất cả đồ tốt đẹp như vàng, bạc, châu báu, chuỗi anh lạc để trang sức cho voi. Vua lại còn phong một trăm hộ trong ấp phải thường cung cấp cho voi những thứ cần dùng.

Thời bấy giờ, người anh làm thầy Tỳ-kheo, gặp lúc thiên hạ bị mất mùa, đói kém, đi khát thực trong bảy ngày mà không có ai cúng dường gì cả. Sau cùng chỉ kiếm được một ít đồ ăn tầm thường để duy trì mạng sống.

Thầy Sa-môn biết voi của vua đời trước là anh em nên thầy đến gặp voi, tay cầm tai voi nói:

–Ta cùng với người đều có tội.

Voi suy nghĩ lời dạy của thầy Tỳ-kheo, liền biết được túc mạng, thấy rõ nhân duyên đời trước của mình, voi rất đau buồn, không muốn ăn uống. Người chăm sóc voi thấy vậy rất sợ hãi, đi đến tâu với vua:

–Thưa, voi không muốn ăn uống, không biết có ý gì?

Vua hỏi người giữ voi:

–Trước đó có người nào xúc phạm voi không?

Người giữ voi thưa:

–Không có người nào khác, chỉ thấy một Sa-môn đến bên voi trong chốc lát rồi đi.

Vua cho người đi khắp nơi tìm Sa-môn đó. Có người gặp vị Tỳ-kheo ấy ở trong rừng, ngồi dưới gốc cây, liền mời đến trước vua. Vua hỏi vị Sa-môn:

–Thầy đến bên con voi của trẫm nói những gì?

Thầy Sa-môn thưa với vua:

–Tôi không nói gì nhiều, chỉ nói thẳng với voi rằng: “Ta với người đều có tội.”

Khi ấy thầy Sa-môn nói với nhà vua đầy đủ về nhân duyên đời trước của hai anh em. Vua nghe xong có ý tỉnh ngộ, liền thả thầy Sa-môn trở về chỗ ở.

M

4- Ngày xưa có một nhạc sĩ trẻ tuổi có thể hòa tấu tất cả loại nhạc, đi đến nhà vị trưởng giả giàu có xin một con bò. Vị trưởng giả này trong lòng không muốn cho, nên nói:

–Nếu người làm được như thế này, tức siêng năng hòa nhạc ngày đêm, suốt trong một năm, thì ta sẽ cho người một con bò.

Nhạc sĩ thưa sẽ làm được, lại hỏi chủ nhân:

–Ngài có thể chịu khó ngồi nghe không?

Trưởng giả cũng trả lời được. Nhạc sĩ nghe như vậy rất vui vẻ, hết lòng hòa nhạc, suốt trong ba ngày đêm chưa từng giải đãi nghỉ ngơi. Vị trưởng giả nghe lâu chán quá, liền sai người đem bò tặng nhạc sĩ.

Câu chuyện thí dụ này khuyên người hành đạo làm phước, không sợ tu hành nhiều kiếp số lâu xa, chỉ cần tinh tấn siêng năng càng gấp thì báo ứng trở lại càng nhanh, đâu cần phải đợi trải qua nhiều kiếp.

M

5- Ngày xưa có một thầy Tỳ-kheo bị đuổi ra khỏi tập thể chúng Tăng. Trong lòng ấm ức không yên, ông đau buồn thở than, vừa đi vừa khóc. Ra ngoài đường gặp một con quỷ. Nó cũng phạm pháp, cũng bị Tỳ-sa-môn Thiên vương đuổi. Khi gặp nhau, quỷ hỏi thầy kia:

–Người có việc gì buồn mà vừa đi vừa khóc?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

–Ta phạm việc cấm trong chúng Tăng, bị chúng Tăng đuổi, tất cả đàn-việt cúng dường cho ta nay đã mất hết, lại tiếng xấu đồn khắp xa gần. Vì vậy nên ta buồn khóc.

Quỷ nói với thầy Tỳ-kheo:

–Ta có thể giúp người diệt hết tiếng xấu và sẽ được cúng dường nhiều hơn. Muốn được như vậy, người ngồi trên vai trái của ta, ta sẽ vác người đi trong hư không, mọi người chỉ thấy được người mà không thấy thân ta. Nếu người được cúng dường, trước phải chia cho ta.

Khi ấy, quỷ liền vác thầy Tỳ-kheo đi trong hư không, trước tiên bay qua xóm làng nơi thầy đã bị đuổi. Lúc này, người trong xóm làng thấy vậy rất kinh dị, cho rằng ông ta đã được đạo. Họ nói với nhau:

–Chúng Tăng không sáng suốt nên đuổi người đắc đạo một cách oan uổng.

Rồi, họ kéo nhau đến chùa la trách chúng Tăng và họ đi đón thầy Tỳ-kheo ấy trở về chùa, càng tôn trọng và cúng dường nhiều hơn. Tỳ-kheo này khi nhận được đồ ăn, áo mặc, hoặc các vật dụng khác đều đem chia cho quỷ, không trái với giao ước cũ.

Một ngày khác, quỷ lại vác thầy Tỳ-kheo đi biểu diễn trong hư không. Không may quỷ gặp quan thuộc hạ của Tỳ-sa-môn Thiên vương, quỷ thấy vị quan chủ, quá sợ hãi, quăng bỏ Tỳ-kheo, rồi ra sức chạy trốn. Tỳ-kheo này rơi xuống đất chết tươi, thân hình tan nát.

Câu chuyện thí dụ này khuyên người tu hành nên tự tu theo chủ hướng của mình. Không nên ỷ lại người hào quý, hoặc dựa vào thế lực bên ngoài. Khi tình hình đảo điên, thay đổi, sẽ bị hại không khác gì như ông thầy kia.

M

6- Ngày xưa, Tôn giả Mục-kiền-liên cùng các đệ tử từ núi Kỳ-xà-quật đi đến

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thành Vương xá khát thực. Ngài Mục-liên đang đi trên đường, ngược nhìn hư không rồi bỗng nhiên cười thành tiếng. Các đệ tử liền thưa hỏi về nhân duyên mà thầy đã cười. Ngài Mục-liên đáp:

–Các thầy muốn biết, đợi trở về chỗ Đức Phật rồi có thể thưa hỏi.

Khi đã khát thực xong, trở về chỗ Phật, các đệ tử lại hỏi thầy Mục-liên về việc mà thầy đã cười. Tôn giả Mục-liên đáp:

–Ta thấy trong hư không có một ngạ quỷ thân rất lớn, hình tướng xấu xí, có bảy viên sắt nóng, từ miệng thăng ra ngoài, ra ngoài rồi trở lại vào miệng, khắp thân lửa đốt đau khổ lẫn lóc, vừa đứng dậy rồi lại nhào xuống. Vì vậy cho nên ta cười. Chẳng phải một mình ta thấy, Đức Phật cũng thấy như vậy.

Các đệ tử hỏi:

–Do nhân duyên gì mà nó phải chịu khổ như vậy?

Tôn giả Mục-liên đáp:

–Các thầy nên đem việc này hỏi Đức Thế Tôn.

Các thầy kia liền bạch Phật, thưa hỏi về nhân duyên thọ báo kia. Khi ấy Đức Phật dạy:

–Ngạ quỷ này kiếp trước đã từng làm Sa-di, gặp lúc nhân dân đói kém, phải dùng đậu làm thức ăn. Chú Sa-di vì chúng Tăng mà đi phân phát đồ ăn, đến trước thầy của mình, vì tâm thiên vị, bỏ nhiều thêm bảy hạt đậu. Do tạo lỗi này mà phải thọ thân ngạ quỷ chịu đau khổ như vậy.

Đức Phật dạy:

–Ta cũng đã thấy, sợ dĩ không nói, sợ các người không tin sẽ mắc tội lớn.

Ví dụ này cũng như Đức Phật giảng nói Bát-nhã. Nếu người nghe không tin mà phỉ báng, tội kia rất nặng như tội ngũ nghịch và sẽ chịu cực khổ trong địa ngục.

M

7- Vào thời quá khứ, cách đây vô lượng vô số kiếp nhiều như vi trần; có một vị Bồ-tát tên là Hỷ Căn ở trong đại chúng giảng kinh điển Đại thừa.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lúc ấy là một phạm nhân xuất gia tu đạo, chuyên tinh khổ hạnh, thực hành mười hai hạnh Đầu-đà, rất nhiều phước đức, nguyện độ tất cả mọi người.

Gặp lúc Bồ-tát Hỷ Căn nói pháp thật tướng, Ngài Văn-thù nhân đó được nghe. Bồ-tát dạy:

–Dâm, nộ, si cùng với đạo không khác, cũng tức là đạo, cũng là Niết-bàn.

Bồ-tát Văn-thù thời ấy nghe mà không tin, liền đứng dậy bỏ đi. Đến nhà đệ tử của Bồ-tát Hỷ Căn, nói với vị ấy:

–Bồ-tát Hỷ Căn có ý xấu, nói pháp không trong sạch.

Vị đệ tử của Bồ-tát Hỷ Căn hỏi lại:

–Tất cả vốn không, pháp nào là chân? Vả lại, các pháp đều không, làm sao còn có sạch với không trong sạch?

Vị Tỳ-kheo tu hạnh Đầu-đà nín lặng không đáp được, nhưng tâm sân chất chứa bên trong. Khi ấy đệ tử của Bồ-tát Hỷ Căn nói bảy mươi bài kệ tán thán pháp thật tướng.

Vị Tỳ-kheo Đầu-đà nghe một bài kệ, tăng thêm một niệm sân, nghe xong bảy mươi bài kệ, sân giận càng tăng cao. Ông ta nghe kệ vừa dứt, đất liền nứt ra, địa ngục

Nê-lê ngay đấy liền hiện. Tỳ-kheo Đâu-đà đọa vào trong đó, trải qua vô lượng kiếp, tội hết mới được ra. Sau đó, mới biết nếu không tin vào pháp Đại thừa vi diệu, tội kia rất nặng. Sau khi sinh làm người, ngài xuất gia, thọ Tỳ-kheo, siêng năng học hỏi, được trí tuệ rộng lớn “Giải không thứ nhất”.

Câu chuyện thí dụ này nói rõ: Được dịp nghe Phật dạy pháp Bát-nhã, nếu không tin mà còn phỉ báng, dù hiện thời có tổn thương, nhưng đời sau được lợi ích lớn.

M

8- Ngày xưa ở phía Bắc nước Thiên Trúc có một người thợ điêu khắc giỏi, dùng tài khéo của mình tạo một người nữ bằng gỗ, đoan chánh không ai sánh bằng. Mộc nữ mặc áo, trang sức giống như con gái bình thường không khác. Cũng có thể đi qua đi lại, rót rượu đãi khách, chỉ không biết nói mà thôi.

Thời ấy, ở Nam Thiên Trúc cũng có một họa sĩ giỏi, rất thiện nghệ về hội họa. Nhà điêu khắc nghe tiếng, mở tiệc mời họa sĩ đến chiêu đãi. Khi họa sĩ đến, anh sai Mộc nữ rót rượu mời khách, bưng dọn đồ ăn từ sáng đến tối. Nhà họa sĩ không biết, cho là người con gái thật, trong lòng để ý yêu mến, thường nghĩ đến không quên.

Đêm đã về khuya, nhà điêu khắc muốn đi nghỉ cũng không quên mời họa sĩ nghỉ lại ở một phòng riêng, sắp xếp cho Mộc nữ đứng hầu một bên. Nhà điêu khắc nói với khách:

– Xin để người con gái này ở lại hầu khách quý.

Chủ nhân đã vào phòng nghỉ. Mộc nữ đứng hầu bên bàn đèn. Người khách gọi mà thiếu nữ không đến, người khách cho rằng: “Thiếu nữ e thẹn cho nên không tới”, liền đứng dậy tới trước người con gái, cầm tay dắt mời, mới biết được đây chỉ là người bằng gỗ, rất tự hổ thẹn. Người khách suy nghĩ: “Chủ nhân đối gạt ta, ta phải gạt lại mới được.” Họa sĩ dùng phương tiện vẽ hình của mình trên vách, sắc phục giống y không khác, dùng dây buộc vào cổ, hình trạng giống người tự tử. Thêm ít con ruồi và con chim đậu trên miệng thầy chết kia mà mổ. Vẽ xong, đi đóng cửa, anh ta xuống dưới giường mà nằm.

Trời đã sáng, chủ nhân thức dậy, thấy phòng khách chưa mở, liền nhìn vào cửa sổ, thấy có người treo cổ tự tử. Người chủ sợ quá vì cho rằng người khách treo cổ chết, liền lật đập phá cửa xông vào, dùng dao chặt dây. Khi ấy người họa sĩ mới từ dưới giường bước ra, nhà điêu khắc biết mình lầm nên rất hổ thẹn. Họa sĩ nói:

– Anh đối gạt tôi, buộc tôi phải gạt anh vậy.

Từ đấy tình cảm của chủ và khách không còn muốn hơn thua nhau nữa. Hai người cùng cho rằng: “Người đời đối gạt nhau không khác gì như thế.”

Khi hai người đều tin và hiểu được sự đối trá, mê hoặc ở đời, thì cùng nhau từ bỏ người thân yêu, quyết tâm xuất gia tu đạo.

M

9- Nhân duyên đời trước của ngài Ca-diếp.

Ngày xưa ngài Ca-diếp sinh trong dòng Bà-la-môn, cha tên là Ni-câu-luật-đà, người ở nước Ma-kiệt. Ngài nhờ phước đời trước nên sinh ra trong nhà giàu có, của cải vật chất đứng vào hàng bậc nhất trong nước. So với quốc vương, ngàn phần chỉ thua một. Trước đó cha mẹ ngài cô độc không có con nối dòng, gần nhà có một vị Thọ thần rất linh. Khi ấy hai vợ chồng vì muốn có con nên đến cầu xin với vị Thọ thần. Tam sinh

tế tự hàng năm không dứt, nhưng chổ mong cầu chưa được toại nguyện. Cho nên một hôm ông nổi giận, bảo với Thọ thần:

–Tôi sẽ hết lòng bảy ngày thừa sự ngài, nếu không ứng nghiệm tôi sẽ chặt cây bỏ ra ngoài đường mà đốt.

Thọ thần nghe lời nói kia rất sợ hãi, không biết phương cách nào khiến cho người cầu được sinh con, liền báo lên cho Thiên vương Tức Ý, thưa rõ sự tình cho vua trời nghe. Thiên vương Tức Ý dẫn Thọ thần đến viếng trời Đế Thích, đem lời của Thọ thần thưa lại. Đế Thích dùng Thiên nhãn xem trong cõi Dục thấy chưa có ai đủ điều kiện để xin làm con cho người cầu kia, nên lại báo lên cho trời Phạm vương, cũng đem sự tình thưa lên cho đức vua biết. Phạm vương dùng Thiên nhãn xem trong cõi của mình thấy một vị Phạm thiên sẽ hết thọ mạng, liền gọi vị ấy đến bảo:

–Người nên hạ sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, làm con vị Bà-la-môn Ni-câu-luật-đà ở nước Ma-kiệt.

Phạm thiên thưa:

–Bà-la-môn này tà kiến sâu nặng, tôi không thể sinh làm con nhà ấy được.

Phạm vương dạy:

–Bà-la-môn này nhờ đời trước có tạo phước lớn, nên chúng sinh trong cõi Dục không ai có thể sinh làm con. Nếu người chịu thác sinh, ta sẽ bảo trời Đế Thích ủng hộ cho người, không để phải rơi vào tà kiến.

Phạm thiên thưa:

–Xin vâng! Không dám trái Thánh ý.

Khi ấy Đế Thích trở về cõi Dục, đem hết ý trên nói lại cho vị Thọ thần. Thọ thần nghe qua rất hoan hỷ, trở về bảo với vị trưởng giả:

–Ông khỏi lo, khỏi sợ, cũng đừng sân hận, sau bảy ngày sẽ biết có con.

Như lời Thọ thần bảo, sau bảy ngày người vợ liền biết mình đã có thai. Đủ mười tháng, bà ta sinh một người con trai, toàn thân sắc vàng, lại có ánh sáng. Thấy xem tướng thưa:

–Đứa bé này do phước đời trước nên có oai đức lớn, ý chí, năng lực, thanh tịnh cao xa, không tham việc đời. Nếu được xuất gia sẽ được thành tựu đạo Thánh.

Cha mẹ nghe như vậy lại có ý lo, sợ con mình sau này sẽ bỏ cha mẹ đi xuất gia, không biết dùng phương tiện gì để ngăn chặn. Họ tự suy nghĩ: “Việc quan trọng ở cõi Dục là nữ sắc, nên chọn lựa một người con gái đẹp, đoan chánh để ràng buộc, ta sẽ bớt lo.”

Khi đến tuổi mười lăm, cha mẹ đã có ý muốn cưới vợ cho con. Ngài Ca-diếp nghe được rất buồn, nói với cha mẹ:

–Ý của con ưa thích thanh tịnh, không cần phải cưới vợ.

Sau đó Ca-diếp tỏ ý từ chối với song thân ba lần, nhưng cha mẹ vẫn giữ ý ban đầu. Nên ngài phải thưa trình với cha mẹ:

–Con không muốn lấy con gái bình thường làm vợ. Nếu gặp được người con gái có thân sắc vàng, đoan chánh không ai sánh bằng, mới nhận làm vợ.

Sở dĩ ngài đưa ra ý kiến như vậy là nghĩ rằng: “Việc này rất khó có thể thực hiện được.” Khi cha mẹ nghe ngài tỏ ý như vậy, liền gọi các Bà-la-môn bảo họ nên đi tuần hành trong nước tìm cho được người con gái thân thể sắc vàng, cốt cách đoan chánh, tốt đẹp.

Các Bà-la-môn bày phương kế đúc một tượng nữ thần bằng vàng, dung mạo đoan

chánh, sáng suốt, tốt đẹp, kiêu rước nữ thần đi từ nước này đến nước khác. Họ rêu rao rằng:

–Tất cả con gái, ai thấy nữ thần bằng vàng này, nếu chịu khó đến lễ bái, chiêm ngưỡng, sau lấy chồng sẽ sinh con tốt đẹp, thân thể sắc vàng, dung mạo thù thắng, trí tuệ không ai sánh kịp.

Những cô gái ở trong các thành ấp, xóm làng rất để ý đến lời kêu gọi này nên đều tập trung đến để phụng sự, nghênh đón, chiêm ngưỡng. Chỉ có một người con gái thân thể sắc vàng, rất đoan chánh, tốt đẹp, một mình đóng cửa ở trong nhà, không theo chị em nghênh đón nữ thần. Các cô bạn đến bảo:

–Nếu được chiêm ngưỡng nữ thần bằng vàng kia thì sẽ được như ý nguyện. Vì sao một mình cô không chịu ra nghênh đón?

Cô ấy đáp:

–Ý của tôi chỉ thích nhàn tịnh, không muốn mong cầu.

Các cô bạn lại nói:

–Tuy không có ý nguyện nhưng mình cùng nhau đi xem chơi, đâu có tổn hại gì!

Khi ấy các bạn dẫn cô gái đến viếng nữ thần. Cô gái ấy bước đến đứng trước tượng nữ thần, thân quang của cô trong sáng chiếu soi; làm che lấp cả ánh sáng của nữ thần, không còn hiển hiện được nữa. Hiện tượng này các Bà-la-môn đã chứng kiến, nên họ cùng nhau mang tượng trở về, thưa lại với trưởng giả, nói rõ đã gặp cô gái nói trên. Khi ấy, vị trưởng giả nhờ người mai mối đến nhà cô gái kia trình bày ý mong muốn của trưởng giả. Cha mẹ cô trước cũng đã nghe danh chú rể tương lai Ca-diếp này rồi, nên tôn trọng tiếp nhận ý cầu hôn. Cô gái nghe được rất buồn vì cha mẹ bắt ép việc này không hợp ý mình. Cô ta mạnh dạn đi đến nhà vị trưởng giả, những mong được gặp Ca-diếp để trao đổi. Hai người nói chuyện cùng biểu lộ ý chí trong sạch. Họ nói với nhau: “Tuy sẽ là vợ chồng, nhưng vốn không ân tình.” Cô ta cũng cùng với Ca-diếp thề giao kết sẽ xem nhau như anh em, đều ở phòng riêng và điều cần yếu là không can phạm đến nhau.

Đến khi cưới về, vợ chồng đều có phòng riêng. Người cha đợi khi Ca-diếp đi ra ngoài, liền cho người phá bỏ một phòng, để cho vợ chồng chỉ có một phòng, tuy cùng một phòng mà lại khác giường. Người cha tìm cách sai người bỏ bớt một giường. Bấy giờ họ chỉ có một giường. Vợ chồng bàn hãy cùng nhau thề nguyện: “Nếu khi tôi ngủ thì anh nên kinh hành. Khi anh ngủ tôi lại kinh hành.”

Một hôm, khi người vợ ngủ, một tay thõng xuống đất, có con rắn độc muốn đến cắn tay. Ca-diếp thấy, do lòng từ mẫn, đến cầm tay áo nâng lên, để lại trên giường. Cô ta giật mình, biết được nên giận nói với Ca-diếp:

–Chúng ta trước đã giao kết, sao nay anh lại xúc phạm tôi?

Ca-diếp nói:

–Tay cô thõng xuống đất, rắn độc muốn cắn, chúng ta giúp nhau, không phải cố xúc phạm. Rắn còn ở góc nhà.

Khi cô ta đã thấy mới chịu tỉnh ngộ. Lúc ấy vợ chồng mới bàn với nhau:

–Vì sao chúng ta không xuất gia tu đạo?

Khi ấy hai người mới quyết định từ bỏ thân quyến, phát tâm xuất gia, vào núi rừng hành đạo.

Lúc bấy giờ, có một vị Bà-la-môn đem năm trăm đê tử cũng trú tại núi này, thấy vợ chồng Ca-diếp liền sinh tâm phỉ báng:

–Phép tắc của người xuất gia là phải thanh tịnh, vì sao hai vợ chồng đã đi tu mà còn ở chung với nhau?

Khi ấy Ca-diếp liền xa lìa bà vợ, dùng năm trăm lượng vàng, mua một cái nạp y dày, ở riêng một mình trong rừng. Người vợ phải theo Bà-la-môn cầu làm đệ tử. Năm trăm đệ tử của Bà-la-môn này thấy cô hình sắc đoan chánh, xinh đẹp, ngày ngày theo muốn hành dâm, làm cho bà ấy không được tự tại. Sau đó cô không thể chịu nổi cảnh ấy, nên liền thưa với vị Bà-la-môn giáo chủ. Thấy Bà-la-môn này nhân đây mới răn dè, thúc nhắc các đệ tử, dạy họ phải biết kiềm chế dục vọng.

Về sau, Ca-diếp được gặp Phật xin xuất gia, nghe Đức Phật thuyết pháp, thấu hiểu lời Phật dạy, liền được chuyển hóa thành tựu đạo quả A-la-hán. Biết vợ cũ của mình theo các Phạm chí, ngài liền đến hướng dẫn trở về gặp Phật. Đức Thế Tôn vì cô ta nói pháp, cô liền chứng được quả A-la-hán; tóc trên đầu rụng xuống, pháp phục mặc trên thân, thành Tỳ-kheo-ni.

Sau đó, cô đi du hành giáo hóa, gặp lúc vua Ba-tư-nặc mở đại hội. Các Tỳ-kheo-ni cũng được mời vào cung vua cúng dường. Nhân cơ hội này, bà giáo hóa cho các phu nhân, dạy họ thọ trì trai giới một ngày một đêm. Buổi chiều tối, vua trở về nội cung, triệu các phu nhân đến hầu, họ đều thưa: “Vì đang trì trai giới, không thể đến được.” Vua rất giận, nói với người hầu cận:

–Ai dạy các phu nhân của ta trai giới?

Các cận thần thưa:

–Thưa, do vị Tỳ-kheo-ni tên ấy...

Vua cho người đến mời Tỳ-kheo-ni ấy và ra lệnh cho cô phải làm hoàng hậu thay cho các phu nhân của vua trong thời hạn chín mươi ngày.

Đây là do nhân duyên thệ nguyện đời trước của cô, cho nên tuy đã được đạo quả A-la-hán cũng không thể tránh khỏi.

M

10- Ngày xưa có hai anh em đều xuất gia học đạo. Người anh thường nghĩ đến việc hành thiền, chuyên tinh tu hành, được đạo quả A-la-hán thanh tịnh, thấu triệt sáu pháp thân thông. Người em chỉ nghĩ đến việc học rộng nghe nhiều, ưa thanh danh, muốn mình được vẻ vang. Người anh khuyên bảo em:

–Thân người khó được, gặp Phật ở đời cũng không phải dễ. Đã được thân người, nên quý thời gian, siêng năng tu tập.

Người em nói với anh:

–Chúng ta cần phải học hết ba tạng Kinh, Luật, Luận đủ khả năng làm thầy người mới tập hành thiền.

Người anh lại vì em nhắc nhở ý nghĩa vô thường: “Thở ra mà không thở vào là đã thuộc về đời sau.” Người em cứ giữ lấy ý nghĩ của mình, không chịu nghe theo lời dạy. Sau đó không bao lâu người em mang bệnh nặng, rất nhiều lương y cũng không thể cứu. Các thầy thuốc thấy bệnh không qua khỏi nên lần lần bỏ đi. Người em rất sợ hãi, tự biết mình sẽ chết, bèn nói với anh:

–Tại em ngu si không nghe lời anh dạy, nay sắp chết, không biết sẽ đi về đâu?

Người em nước mắt chảy dài hướng về người anh hối lỗi. Sau đó không lâu người em mạng chung. Người anh liền nhập thiền định, quán xét chỗ thác sinh của em, thấy người em được đầu thai trong nhà vị trưởng giả. Nhà vị trưởng giả cũng gần chùa, nên

người anh thường đến nhà làm Thiện tri thức, muốn độ người em.

Khi chú bé, con vị trưởng giả đã được ba tuổi, họ đem vào chùa xin quy y làm đệ tử. Đến bốn tuổi, người vú nuôi bỗng đến thăm thầy ở trong chùa. Vì chùa ở trên núi cao, phải lót đá làm đường đi lên, bà vú nuôi bỗng chú bé không vững, lỡ tay rơi xuống, lộn nhào, đập đầu vào đá vỡ sọ chết. Khi chú bé lâm chung, tâm sinh ác niệm vì giận bà vú kia bỗng lêu lổng đến nỗi phải mang họa. Do nhân duyên sinh khởi sân hận, nên khi mạng chung liền bị đọa trong địa ngục lớn.

Người anh lại nhập định, quán xét thấy em bị đọa vào địa ngục, người anh chỉ biết than và đành chịu, không còn giúp được gì: “Chư Phật nếu gặp người không có nhân duyên còn không thể cứu độ, huống gì ta, cũng đành chịu thôi vậy.”

Câu chuyện thí dụ này ý nói người ưa thanh danh mà không tu thiện định, sau sẽ bị rơi vào đường ác. Dù thân tình như cha mẹ, anh em cũng không thể cứu được.

M

11- Thầy La Vân Châu là đệ tử của Tôn giả Xá-lợi-phất, kiếp trước cướp đoạt đồ ăn của một vị Bích-chi-phật. Do tội lỗi này cho nên phải sinh vào loài ngạ quỷ, chịu khổ trải qua vô lượng kiếp. Hết thân ngạ quỷ được sinh làm người, suốt năm trăm đời thường chịu đói khát. Thân sau cùng được gặp Đức Phật, theo Tôn giả xuất gia học đạo, thân mang pháp y, nhưng thường ngày đi khát thực không ai chịu cúng dường, hoặc năm ngày, có khi đến bảy ngày nhịn đói là chuyện thường.

Tôn giả Mục-kiền-liên thương xót, khát thực mang cơm đến cho thầy. Tôn giả vừa đổ cơm vào bát thì bị một chim lớn chộp lấy bay đi.

Tôn giả Xá-lợi-phất mang cơm đến cho thầy, khi đổ vào bát, cơm trong bát ấy liền biến thành bùn đất.

Tôn giả Ca-diếp khát thực mang đến bố thí, khi thầy bốc cơm bỏ vào miệng, miệng liền khép lại không thể ăn được.

Khi ấy Đức Phật phải thân hành mang cơm đến, Ngài dùng năng lực Từ bi rộng lớn nên thầy mới ăn được. Đồ ăn này đầy đủ khí lực đặc biệt. Đức Thế Tôn lại dùng phương tiện nói pháp. Khi nghe giáo pháp vi diệu, tối thượng của Đức Phật, thầy La Vân Châu rất hoan hỷ, phát tâm từ bi, một lòng suy nghĩ, sau được chứng quả Ứng chân.

M

12- Có rồng bay lên hư không, làm mưa vào cõi trời, nếu nước mưa lọt vào Thiên cung, nước ấy liền biến thành bầy bấu. Nếu mưa rơi trong loài người, nước đều thấm ướt mát mẻ. Mưa rơi trên thân ngạ quỷ, liền biến thành lửa dữ, toàn thân bị đốt thiêu.

Đều là một loại nước mưa, tùy theo mỗi chỗ mà biến khác. Do đây mà biết, các hình tướng không có tính chất nhất định, tùy theo tội hoặc phước mà cảm nên vậy.

M

13- Ở ngoại quốc có một tu viện có rất nhiều chư Tăng nương ở tu học. Trong chúng có một thầy ở trong cảnh thanh tịnh của Già-lam mà đi đứng thiếu oai nghi. Gặp một thầy khác tánh quá sân giận, liền la lối, nạt nộ thầy kia, gọi là để chỉ dạy người. Thực tình muốn chỉ rõ lỗi của người, mà không biết mình đang tạo ác khẩu. Do đấy, chúng ta có thể biết, tánh ưa nói xấu người khác cũng như câu chuyện thí dụ này vậy. Chỉ nêu cái lỗi của người mà không biết ta đang tự hủy cái hạnh tốt của mình.

M

14- Xưa ở nước ngoài có những kẻ tiểu nhân theo phụng sự, hầu hạ quý nhân. Muốn được lòng chủ, khi thấy quý nhân nhổ nước miếng xuống đất, họ tranh nhau dùng chân chà bỏ. Có một người theo hầu mà không được khỏe mạnh lắm, tuy muốn biểu lộ thiện chí mà sức khỏe không cho phép.

Sau này gặp lúc quý nhân muốn nhổ nước miếng, khi vị ấy mới chồm môi, kẻ kia liền dùng chân đá ngay vào miệng. Quý nhân nói:

–Người phản ta phải không? Sao lại đá vào miệng ta?

Gã tiểu nhân thưa:

–Tôi có ý tốt, không bao giờ phản.

Quý nhân hỏi:

–Nếu người không phản sao lại có hành động như vậy?

Gã tiểu nhân thưa:

–Khi quý nhân nhổ nước miếng, tôi muốn được chà bỏ, nhưng nước miếng vừa ra khỏi miệng, người khác thường tranh chà bỏ trước. Ý tôi muốn phục vụ ngài trước, đều không được thực hiện. Vì vậy cho nên, nay tôi xin được chà bỏ ngay tại miệng.

Câu chuyện thí dụ này muốn nói: Khi chúng ta cùng luận bàn, điều cần yếu là đợi cho họ nói ra hết ý nghĩa, rồi sau đó mới có ý kiến, hay nạn vấn. Nếu nghĩa lý chưa được nói ra rõ ràng mà vội có ý kiến hay nạn vấn, cũng giống như kẻ tiểu nhân kia đá vào miệng chủ vậy.

M

15- Ngày xưa, Đức Phật cùng với chúng đệ tử vào thành Xá-vệ khát thực. Trên đường đi Ngài thấy một hầm rác dơ ở ngoài đồng, tất cả đồ ế tạp đều dồn ở đó. Có một con heo mẹ và mấy con heo con cùng nằm trong hầm dơ nhớp ấy.

Lúc bấy giờ Đức Phật mỉm cười, trong bốn mươi cái răng hiện rõ bốn cái, từ trong bốn cái răng phóng ra ánh sáng lớn, chiếu đến ba ngàn thế giới, rộng khắp mười phương. Ánh sáng kia trở về nhiều quanh thân Đức Phật ba vòng, rồi chui vào ngực Đức Phật. Phép tắc thường của chư Phật là khi nói về việc địa ngục thì hào quang vào từ chân. Muốn nói việc súc sinh thì hào quang vào từ bắp tay. Muốn nói việc ngạ quỷ thì hào quang từ bắp vế mà vào. Muốn nói việc loài người thì hào quang vào từ rốn. Muốn nói việc chư Thiên thì hào quang vào từ ngực. Muốn nói việc của hàng Thanh văn thì hào quang vào từ miệng. Muốn nói việc của Duyên giác thì hào quang vào từ giữa chân mày. Muốn nói việc của chư Phật, Bồ-tát thì hào quang từ đỉnh đầu mà vào.

Ngài A-nan thấy hào quang từ ngực mà vào, biết Đức Phật muốn nói việc của chư Thiên. Tôn giả A-nan khi ấy quỳ xuống thưa hỏi ý nghĩa kia. Đức Phật dạy thầy A-nan:

–Vào thời quá khứ trải qua vô số kiếp, có một vị trưởng giả rất hiếm hoi, chỉ có một cô con gái. Cô ta rất đoan trang, thùỵ mị, thông minh, lanh trí. Cô rất được cha mẹ mến thương, cưng chiều. Khi cô đã lớn khôn, suy nghĩ đọc một bài kệ hỏi cha mẹ:

Tất cả dòng nước chảy

Vốn từ đâu phát sinh?

Việc khổ vui thế gian,

Khi nào sẽ chấm dứt?

Cha mẹ nghe qua thì mừng nhưng cũng lấy làm lạ, không biết dùng lời gì để đáp

lại những thắc mắc trong bài kệ này.

Cô gái muốn được giải thông ý nghĩa mà không trông mong ai có thể giải đáp, cô rất buồn rầu, không muốn ăn uống. Cha mẹ thấy con gái ưu sầu, trong lòng rất lo sợ, liền vì con mà thiết lập trai hội lớn, thỉnh các Bà-la-môn và các trưởng lão nhiều trí tuệ. Mọi người đã vân tập, thiết trai phạn cúng dường đã xong. Lúc ấy cô gái ngồi trên một chiếc giường nhỏ đặt ở giữa chúng hội nói lại bài kệ trước để thưa hỏi mọi người. Tất cả nghe xong đều im lặng, không ai có thể đáp được. Vị trưởng giả liền đem bảy báu sắp một mâm đầy, tuyên bố:

–Vị nào có thể đáp được, tôi sẽ tặng mâm trân bảo này.

Khi ấy có một Bà-la-môn, hình thể tuy tốt đẹp mà trí tuệ còn kém, vì tham các món trân bảo, liền nói:

–Tôi có thể đáp được.

Cô ấy nghe nói vậy liền đọc lại bài kệ để hỏi Bà-la-môn kia, ông ta cũng không giải được ý nghĩa bài kệ này sẽ đi về đâu, chỉ nói thẳng một câu:

–Việc này vốn không thật có.

Cô ấy nghe vậy suy nghĩ, liền được định “Vô sở hữu xứ”. Cô ấy tuyên bố:

–Đây là vị thầy chân thật, cho ta lợi ích không phải nhỏ.

Cô gái này sau khi chết sẽ được sinh lên cõi trời Vô sở hữu xứ, trải qua bốn mươi kiếp, hết thọ ở cõi trời, trở lại sinh trong nhân gian.

Cô gái, con vị trưởng giả thời ấy, nay là thân con heo nái già kia. Cô ta hưởng phước cõi trời đã hết, tội lỗi đời trước trở lại, nên ở đời này phải chịu làm thân heo.

Thời xưa, cô gái ấy dùng kệ thưa hỏi, nếu gặp được vị thầy sáng suốt, tức cô ta có thể được đạo quả. Cô ta tuy thực hành thiện định mà không có trí tuệ chân thật. Quả báo của thiện định đã hết, cũng phải trở lại đọa vào đường ác.

M

16- Ngày xưa có một vị vua một nước lớn, thân bị bệnh nặng trải qua mười hai năm rồi mà chưa có ai trị lành. Tất cả ngự y của nhà vua đều bó tay.

Thời ấy có một nước nhỏ ở phương xa cũng thuộc sự thống lãnh của vua nước lớn. Nước ấy có một thầy thuốc trị bệnh rất giỏi, vua nghe danh cũng cho mời đến để chữa trị. Sau một thời gian, bệnh vua được thuyên giảm, vua liền nghĩ đến việc đền ân đáp nghĩa cho vị thầy thuốc kia. Vua sai sứ giả ra lệnh cho nước thuộc địa kia:

–Vị thầy thuốc trị lành bệnh cho vua đáng được công lớn, phải kịp thời thưởng ban voi, ngựa, xe cộ, trâu dê, ruộng vườn, người giúp việc hầu hạ và dụng cụ trang sức tốt đẹp; tất cả đều phải cung cấp đầy đủ.

Vị tiểu vương vâng lệnh xây dựng nhà cửa, lầu gác cao rộng cho vị thầy chữa bệnh, cấp cho vợ của vị ấy áo mặc, đồ ăn uống, châu báu, các thứ dụng cụ nữ trang tốt đẹp và nào voi, ngựa, trâu dê, tất cả đều đầy đủ. Thầy thuốc tuy ở một bên mà vua không hề cập đến. Vị thầy thuốc suy nghĩ: “Ta trị bệnh cho đức vua quá công phu, chưa biết vua sẽ báo đáp cho ta như thế nào?”.

Vài ngày sau, bệnh vua được bình phục, vị thầy thuốc kia muốn từ giã về nước. Vua chỉ cấp con ngựa ốm và một chiếc xe cũ kỹ. Vị thầy thuốc thấy vậy rất buồn giận và than rằng: “Ta trị bệnh cho vua rất công phu mà vua không biết ân, không lo liệu gì cho ta, để ta phải trở về với hai bàn tay không!”.

Trên đường trở về, ông ta than vắn thở dài. Khi ông đã về đến nước mình, gần đến

nhà thấy một bầy voi, liền hỏi người chăn voi:

– Đây là voi của ai?

Người chăn đáp:

– Đây là voi của ông thầy thuốc tên ấy ...

Ông lại hỏi người chăn:

– Thầy thuốc tên ấy... từ đâu mà có được voi này?

Người chăn đáp:

– Vị thầy thuốc tên ấy... trị lành bệnh cho vua nên được thưởng công.

Ông tiếp tục đi tới một đoạn đường nữa, lại thấy một bầy ngựa. Ông hỏi người chăn ngựa:

– Đây là ngựa của ai?

Người chăn ngựa đáp:

– Ngựa của ông thầy thuốc tên ấy...

Ông lại đi tới một đoạn đường nữa, thấy một bầy trâu và dê, hỏi người chăn:

– Đây là trâu, dê của ai?

Người chăn đáp:

– Trâu, dê của ông thầy thuốc tên ấy...

Ông tiếp tục đi tới, thấy chỗ nhà cũ của mình, nay nhà cửa, lâu đài khác xưa, liền hỏi người gác cổng:

– Đây là nhà của ai?

Người gác cổng thưa:

– Đây là nhà của thầy thuốc tên ấy...

Khi ông bước vào nhà, đi lên lầu, thấy một người đàn bà thân sắc tươi đẹp, mình mặc áo quý, ông lấy làm lạ hỏi:

– Đó là phu nhân của ai?

Người hầu đáp:

– Đây là phu nhân của vị thầy thuốc tên ấy...

Từ khi thấy voi, ngựa... và đi vào trong nhà, đều biết do vua trả công lao trị bệnh, vị thầy thuốc rất hối hận, vì so với việc trị bệnh cho vua, công phu của ta quá ít.

Chuyện này là dụ cho ta biết cách tu phước đức vậy. Tạo phước đức để lưu lại khó như bệnh vua khó trị lành. Thầy thuốc dụ như người tu phước. Trị bệnh cho vua cũng dụ cho người tu hành nên tạo phước. Bệnh được trị lành như phước đức đã thành tựu. Vua ra lệnh vua nước nhỏ thưởng ban voi, ngựa, nhà cửa, có ý nói: “Chứa phước ở đây thì quả báo được thành tựu ở kia.”

Luận rằng: Trông mong quả báo đến mau, thường gặp đáp ứng chậm. Như người kém niềm tin, khi làm phước liền mong sáng chiều có được quả báo, đến lúc già, bệnh, chết đến, liền cho rằng mình không được quả báo tốt. Khi sinh vào cõi trời được đủ mọi sự tốt lành cũng giống như vị thầy thuốc kia trên đường về thấy voi, ngựa... vậy. Nương thân trung ấm đã đến được Thiên cung, tức được thọ sinh cõi ấy, có đầy đủ các nghiêm sức tốt đẹp, mới biết hối hận, trước đây sao không tạo phước cho thật nhiều, như thầy thuốc kia khi đã được thưởng ban, mới ân hận cho công phu trị bệnh lúc trước là quá ít.

M

17- Ngày xưa ở ngoại quốc có một cơn mưa có chất độc, nếu nước mưa ấy rơi vào trong thành trì, giếng, ao, sông, hồ, người uống nước đó sẽ bị mê cuồng trong bảy ngày

mới tỉnh.

Thời ấy có một vị vua nhiều mưu trí, giỏi thiên văn. Khi thấy mây độc bay qua, vua đã biết, sai người cho che một cái giếng, không cho mưa độc rơi vào.

Trong lúc ấy thì trăm quan, quần thần đều uống nhầm nước mưa độc ấy. Họ đều bị cuồng loạn, nên lúc cùng đi đến triều đình, họ đều trần truồng, bôi bùn đất vào đầu, đi nghênh ngang vào ngai trên sảnh điện của vua. Trong lúc đó chỉ một mình vua là không bị điên cuồng, như thường ngày, mặc áo bào, đội mũ thiên quang, mang chuỗi anh lạc, ngai ở giường chính giữa. Tất cả quần thần không biết mình đang cuồng, lại cho vua là quá điên cuồng, vì sao chỉ một mình mặc áo lung thụng như vậy. Quần thần bàn tán với nhau:

– Đây không phải chuyện nhỏ, chúng ta hãy cùng nhau suy tính, luận bàn.

Vua sợ quần thần muốn phản, liền báo với các quan:

– Trẫm có thuốc hay, có thể trị lành bệnh này dễ dàng, các người đợi đây trong chốc lát, ta vào đem thuốc ra ngay.

Vua liền vào bên trong cởi bỏ đồ đang mặc, dùng bùn, phẩm đủ màu bôi vào mặt, vào chân, vào thân, còn hơn cả các quan, trong khoảnh khắc trở ra. Tất cả quần thần thấy vua lem luốc hơn họ nên hoan hỷ chúc tụng, tán dương. Chỉ trừ có vua, còn tất cả đều không biết mình đang điên cuồng.

Sau bảy ngày, tất cả quần thần đều tỉnh ngộ, rất hổ thẹn, đều sửa sang áo mũoàng hoàng, đến triều đình nhóm họp. Trái lại, nhà vua cố ý giữ nguyên hình trạng như trước, trần truồng ngai trên tòa. Quần thần thấy vậy đều lấy làm lạ, cùng nhau thưa với vua:

– Ngài là người có nhiều trí tuệ, vì sao nay lại kỳ lạ như vậy?

Vua nói với các đại thần:

– Tâm ta vẫn bình thường, không có gì thay đổi. Do các người quá cuồng, ta phải tùy thuận, nay các người lại cho ta là cuồng. Như thế các người chưa thật tâm vậy.

Đức Như Lai cũng như vậy. Tất cả chúng sinh do uống nước vô minh nên tất cả đều bị điên cuồng. Nếu nghe Đấng Đại Thánh dạy: “Các pháp vốn không sinh, không diệt, một tướng cũng là không tướng”, thì cho là Đấng Đại Thánh nói cuồng loạn. Vì vậy cho nên Như Lai phải tùy thuận chúng sinh, mà bày nói các pháp có thiện, có ác, hữu vi và vô vi vậy.

M

18- Có một vị A-tu-la đời trước là một người nghèo, thường băng qua sông để vào rừng hái củi, nước sông đã sâu lại chảy quá mạnh, những người làm nghề hái củi thường bị chết trôi, bị nhận chìm trong dòng nước xoáy mạnh mà không sao tránh khỏi.

Lúc ấy, có một vị Bích-chi-phật hiện làm hình tướng Sa-môn đi đến nhà anh ta khát thực. Người nghèo này phát tâm vui vẻ bố thí thức ăn. Khi thọ trai, rửa bát xong, vị Bích-chi-phật liệng bình bát lên hư không, cất thân bay theo.

Người nghèo thấy vậy, nhân đó phát nguyện: “Xin cho tôi đời sau được thân hình to lớn, những nơi nào nước sâu nhất cũng không quá gối tôi.” Do nhân duyên này nên đời sau vị ấy được thân to lớn, nước trong bốn biển không có chỗ nào sâu quá gối được. Vị A-tu-la đứng trong biển lớn, thân cao hơn núi Tu-di, tay vịn đỉnh núi, nhìn xuống cõi trời Đao-lợi.

Đức Thế Tôn trong vô số kiếp chứa nhiều hạnh nguyện rộng lớn cho nên pháp

thân của Ngài đầy khắp hư không, đâu có gì kỳ lạ!

M

19- Ngày xưa có một vị hoàng tử mới bảy tuổi đã theo thầy vào núi cầu học đạo Tiên, chưa từng biết trách nhiệm của trăm quan trong triều đình.

Sau quốc vương nước ấy băng hà, không có người thừa kế vương vị, quần thần cùng nhau bàn luận: “Người tu Tiên trong núi vốn là vương tử, bao năm tu hành nhiều đạo đức, nếu mời được hoàng tử về làm vua thì muôn dân đều nhờ.”

Họ cùng nhau đốc xuất quan dân sĩ tốt trong nước vào tận núi sâu, bái thỉnh vị Tiên nhân này mời về làm quốc vương. Khi vương tử đã nhận làm vua, quan dân cùng nhau đón về nước. Các quan tổ chức yến tiệc lớn để mừng tân vương. Vị quan trách nhiệm về việc ăn uống trong cung lo sửa soạn những món ăn cao lương mỹ vị để thiết đãi đại vương. Vua nếm qua các thức ăn rất hợp khẩu vị. Vua thích quá nên việc gì cũng gọi vị ấy đến hỏi. Quần thần thấy vậy đều cười và thưa với vua:

–Trong trăm quan, mỗi vị đều có trách nhiệm riêng: Vị quan nấu ăn lo việc ăn uống. Vị quan giữ gìn kho vải lo việc may áo, cho đến việc chính trị, quân sự, lễ nghi, chủ kho báu... tất cả đều có trách nhiệm riêng. Không thể người có khả năng nấu đồ ăn ngon, mà giao phó tất cả trách nhiệm cho một người ấy được.

Câu chuyện thí dụ này để nói rõ các kinh điển của Phật đều có mục đích để làm sáng tỏ từng vấn đề, không thể mong hoàn bị nơi một bộ kinh. Các kinh đều nêu rõ thật tướng của các pháp. Các bộ luận hoặc phân tích Kinh Luật... Tất cả đều khác nhau, hoặc nói có tướng, hoặc không tướng, Đức Phật đều tùy duyên mà giảng dạy.

M

20- Ngày xưa, trong rừng nai có một bầy nai năm trăm con. Trong bầy có hai nai chúa: một con là Bồ-tát, một con chính là nai chúa.

Lúc ấy quốc vương ra khỏi thành săn bắn. Vua thấy được bầy nai liền ra lệnh cho quân lính vây bắt. Gặp lúc nguy hiểm, cả hai nai chúa cùng bàn phương kế. Khi đã thống nhất ý kiến, cả hai nai chúa đến trước nhân vương quỳ thưa rằng:

–Chúng tôi đều ở trong địa giới của vua nên ngài muốn giết chúng tôi xin chịu chết. Nhưng Đại vương một lúc mà giết cả bầy nai sẽ ăn không hết, hoặc bị hư thối... Ý chúng tôi tự nguyện một ngày dâng hai con nai để vua dùng, ngoài ra cứ mỗi ngày theo thứ tự đến nạp mạng, không dám thiếu sót. Mong vua chấp thuận để mạng sống của chúng tôi tăng thêm chút ít. Ở đây chúng tôi đã nêu phải quấy, mong Đại vương ra ân tế độ.

Khi ấy nhân vương chấp nhận lời thỉnh cầu, ra lệnh mở vòng vây thả bầy nai. Từ đó về sau, hai nai chúa cùng nhau lo liệu sắp xếp thứ tự, mỗi ngày đưa đến hai con nai cho nhà bếp của vua.

Vài ngày sau, có một con nai đang mang thai, theo thứ lớp phải chịu chết. Nó đến nai chúa cầu xin rằng sinh con xong sẽ đi nạp mạng. Nai chúa bảo:

–Các nai khác theo thứ lớp chưa đến thì ai chịu thay cho người?

Nai kia buồn rầu liền đi đến chỗ nai chúa Bồ-tát thưa:

–Chúa của tôi không nhân từ, không dùng đạo lý tha thứ. Nay tôi đến đây nương tựa, mong nhờ lễ phải.

Nai chúa Bồ-tát thương xót hoàn cảnh như vậy, liền tự nguyện đi đến nhà bếp của

vua xin chịu chết thế. Người đầu bếp vào thưa vua:

–Nai chúa tự đến xin chịu chết thế cho con nai đang có thai.

Vua nghe vậy lấy làm lạ, cho là hy hữu, nói với đầu bếp:

–Dẫn nai chúa đến đây!

Khi nai chúa đến chỗ nhân vương liền hưởng về vua nói ý nguyện của mình muốn giúp hoàn cảnh đáng thương kia. Khi nghe nai chúa nói, nhân vương liền sinh tín tâm. Vua nghĩ: “Loài cầm thú còn muốn tu đức, hưởng gì loài người.” Vua liền ra lệnh cho cả nước:

–Từ nay mọi người không được làm nghề săn bắn.

Vua liền đem cánh rừng rộng ấy nhường cho bầy nai để chúng được sống an ổn. Từ đó về sau rừng đó có tên gọi là rừng Nai.

M

21- Ngài xưa, có một vị cư sĩ, người vợ đang mang thai. Ông thỉnh Đức Phật đến nhà cúng dường, muốn nhờ Đức Như Lai đoán thử sau này vợ ông sẽ sinh con trai hay con gái. Đức Phật dạy:

–Bà ấy sau này sẽ sinh con trai, đoan nghiêm, đẹp đẽ. Đến khi lớn, tuy ở cõi người mà thọ cái vui ở cõi trời. Nếu như xuất gia tu hành sẽ được đạo quả A-la-hán.

Vị cư sĩ nghe qua, trong lòng nghi ngờ không tin. Sau lại thỉnh Lục sư ngoại đạo đến nhà cúng dường, lại cũng nhờ họ đoán xem. Cư sĩ nói với lục sư ngoại đạo:

–Trước đây tôi đã nhờ Sa-môn Cù-đàm đoán xem, Ngài nói sẽ sinh con trai, không biết có thật sẽ sinh con trai không?

Lục sư nói:

–Sẽ sinh con gái.

Đám Lục sư ganh ghét Phật pháp, muốn nói ngược lại nhưng sau tự suy nghĩ: “Nếu ông sinh con trai thì cư sĩ này sẽ bỏ ta mà phụng sự đức Cù-đàm.” Họ liền cất giọng quỷ quyết:

–Này cư sĩ, vợ anh sẽ sinh con trai, nhưng sinh con trai sau này sẽ bị tai họa. Nhà cửa, thân thuộc bấy đời sẽ bị diệt sạch. Do sinh con trai không tốt cho nên trước ta nói dối là sinh con gái đó.

Cư sĩ nghe qua, trong lòng sợ hãi, không biết như thế nào. Đám Lục sư mới nói với cư sĩ:

–Muốn tốt và có lợi chỉ nên trừ khử trước.

Những Lục sư liền mổ bụng vợ cư sĩ. Họ mổ bụng là muốn phá hỏng đứa con, nhưng mổ bụng chưa xong mà vợ của cư sĩ đã chết, đức bé vẫn không chết là nhờ phước đức đời trước.

Cư sĩ đem xác vợ đến chỗ hỏa táng người chết, chất một đồng củi lớn để hỏa thiêu. Khi ngọn lửa cháy mạnh, Đức Phật dẫn các đệ tử đến xem. Khi thân vợ của cư sĩ cháy rụi, liền thấy đứa bé ở trong lửa, ngồi trên hoa sen trang nghiêm, tươi đẹp, dung mạo như tuyết.

Đức Phật bảo Tôn giả Kỳ-vực:

–Hãy vào bồng đưa bé ra đây.

Tôn giả Kỳ-vực liền bồng đứa bé ra khỏi lửa và trả lại cho vị cư sĩ đem trở về nhà nuôi dưỡng đứa bé.

Năm lên mười sáu tuổi, đứa bé trưởng thành tài hoa, đẹp đẽ hơn người. Sau đó cư

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

sĩ lại mở tiệc sắm sửa đồ ăn ngon, mời nhóm Lục sư ngoại đạo. Nhóm Lục sư tập trung đến, ngồi chưa bao lâu liền phì cười. Có người hỏi:

– Vì sao cười vậy?

Nhóm Lục sư liền đáp:

– Ta thấy một ngọn núi cao cách đây năm mươi ngàn dặm, dưới núi có suối nước chảy, một con khỉ rơi tồm xuống nước, thật đáng buồn cười vậy.

Chú bé biết nhóm Lục sư đối trá nên lấy bát của họ bỏ các món ăn ở dưới, dùng cơm che lấp ở trên, sai người bưng bát dưng cúng, còn các bát khác để cơm ở dưới, món ăn đổ lên trên. Khi mọi người đều thọ thực, riêng nhóm Lục sư không ăn mà tỏ vẻ tức giận. Gia chủ hỏi:

– Vì sao các vị không ăn?

Nhóm Lục sư đáp:

– Không có đồ ăn làm sao ăn được.

Gia chủ hỏi:

– Mất các vị thấy xa năm mươi ngàn dặm, biết có con khỉ rơi xuống nước, vì sao không thấy dưới cơm trong bát ấy có đồ ăn?

Lúc ấy, nhóm Lục sư căm giận, không sao ăn được đứng dậy ra về, đi đến gặp Thi-lợi-câu-đa thuật lại đầy đủ. Chị của Lục sư là vợ của Câu-đa, Thi-lợi-câu-đa nghe như vậy cũng nổi sân, nói với Lục sư:

– Ông Cù-đàm là Thầy của nó, tôi sẽ vì đại sư thỉnh Cù-đàm đến làm nhục.

Sau đó họ âm mưu làm hầm lửa và cơm độc..

(Câu chuyện này rất dài, không thể nêu ra hết, ở đây chỉ nêu sơ lược chỗ cần yếu thôi.)

M

22- Ngày xưa có một đạo sĩ đi đến nhà Bà-la-môn khát thực. Bà-la-môn bảo vợ bưng đồ ăn đến cúng. Khi người vợ đi đến gần, vì bà ta rất xinh đẹp, nên đạo sĩ nhìn mới sinh tâm rối loạn, nói với vị Bà-la-môn:

– Lỗi lầm rồi, mùi dục nổi lên rồi!

Bà-la-môn không hiểu, liền hỏi lại:

– Cái gì là lỗi lầm? Cái gì là mùi dục nổi lên?

Đạo sĩ liền đến ôm người vợ của ông ta hôn thành tiếng, rồi nói với Bà-la-môn:

– Đây là mùi dục.

Bà-la-môn rất giận, lấy gậy đánh đạo sĩ một hèo. Đạo sĩ nói:

– Đây là “lỗi lầm” và cũng thật là “tai họa”.

Bà-la-môn muốn đánh nữa, đạo sĩ chạy ra ngoài cổng còn ngoái đầu lại nói với Bà-la-môn:

– Đây là dục khởi lên vậy!

Câu chuyện thí dụ này nói: Người chưa hiểu rõ được ý nghĩa sâu xa, huyền diệu của sự việc, điều cần thiết là phải dùng sự việc cụ thể để chỉ bày, sau mới ngộ ra vậy!

M

23- Ngày xưa có một người làm nghề nông ở quê, đi thăm thành phố, thấy người bị đánh bằng roi rướm máu, lấy phân ngựa nóng thoa vào lưng.

Anh ta hỏi:

– Vì sao phải làm như vậy?

Người kia đáp:

– Khiến cho vết thương dễ lành mà không bị sẹo.

Người nhà quê nghe vậy thâm đố ý trong lòng, sau trở về nói với người nhà:

– Ta xuống phố lần này học được một điều khôn ngoan.

Người ở trong nhà hỏi:

– Ngài được điều khôn ngoan gì?

Ông liền kêu người giúp việc nói:

– Hãy đem roi đánh ta hai trăm roi thật đau.

Người giúp việc sợ chủ nhà, không dám trái lệnh, ông liền dùng roi tự đánh hai trăm roi thật đau, máu chảy khắp lưng. Ông liền nói người giúp việc:

– Lấy phân ngựa nóng đến thoa cho ta. Nó có thể làm cho vết thương mau lành mà không bị sẹo.

Sau đó ông ta nói với người nhà:

– Các người biết không, đó là điều khôn ngoan.

Câu chuyện thí dụ này nói về người tu hành coi thường giới luật. Vốn đã gặp mình sư thọ được giới (xuất gia), sau thấy người thọ giới (tại gia), không tin giới đã thọ để làm người cư sĩ, như vậy là tổn thương đến pháp thân thanh tịnh sẵn có. Dù như chịu hai trăm roi, máu chảy khắp lưng mới mong người đem phân ngựa thoa lên vậy.

M

24- Ở ngoại quốc có người chuyên tụng chú để cảm hóa rồng, từ Quân trì đầy nước đi đến bên Long trì nhất tâm tụng chú. Loài rồng ở đây tức thời thấy lửa lớn phát sinh từ đáy ao, sau đó toàn ao nước đều có lửa cháy.

Rồng thấy lửa, ngóc đầu nhìn lên núi, lại thấy lửa lớn đốt cháy núi rừng; ngược xem đỉnh núi, cũng không có chỗ trú an ổn, tất cả đều bị lửa đốt cháy; cố tìm chỗ thoát thân mà không thể được. Chỉ thấy nước trong ao Quân trì là có thể tị nạn, liền dập tắt lửa lòng, biến thân nhỏ lại để ẩn nấu trong ao Quân trì.

Long trì ví như Dục giới. Ngược lên núi rừng ví như Sắc giới. Nhìn đỉnh núi cao ví như Vô sắc giới. Thầy đọc chú cảm hóa rồng ví như Bồ-tát. Nước mát Quân trì ví như Niết-bàn. Dùng đến chú thuật là ví như pháp phương tiện. Lửa lớn thiêu đốt ví như hiện tượng vô thường. Thân rồng to lớn ví như lòng kiêu mạn. Làm cho thân nhỏ lại ví như tâm khiêm nhượng.

Chuyện này ý nói Bồ-tát thị hiện kiếp thiêu, ba cõi dục, sắc, vô sắc đều cháy rực ngọn lửa vô thường, khủng bố chúng sinh, khiến cho chúng sinh phải diệt trừ lòng kiêu mạn, phát khiêm nhượng nhã nhặn, vậy sau đó mới được bước vào cảnh an lạc Niết-bàn.

M

25- Thời xa xưa, ở nước ngoài có một tảng đá ở bên đường đi bị thời gian, ngựa xe giẫm đạp lần lần hao mòn. Thời ấy có người cho là nó ngăn cản, trở ngại đường đi, muốn trừ bỏ, nên dùng búa đập phá. Thấy có một con rắn độc từ trong đá bò ra, gặp gió lần lần lớn lên, trong khoảnh khắc, thân to lớn đầy cả cõi Diêm-phù. Người và muôn vật trong cõi Diêm-phù chỉ trong một ngày đều bị ăn sạch hết, sau đó mới chịu chết.

Đây là do ác báo mà chúng sinh bị tàn hại mau chóng như vậy. Bồ-tát khi còn là

người phàm đã chứa nhóm công đức trải qua nhiều số kiếp như vi trần, đến khi phát tâm đều thành Phật đạo, thuyết pháp độ người vào cõi Niết-bàn. Sự thành tựu mau chóng này đâu lấy gì làm lạ!

Xưa có một con rắn, đầu và đuôi cùng tranh với nhau, đầu nói với đuôi:

–Ta xứng đáng làm lớn.

Đuôi nói với đầu:

–Ta cũng đáng làm lớn.

Đầu nói:

–Ta có tai để nghe, có mắt để thấy, có miệng để ăn, nên khi đi là phải đi trước. Vì vậy cho nên ta xứng đáng làm lớn. Còn người không có những khả năng đó, không nên giành làm lớn.

Đuôi giận nói:

–Ta cho người đi thì người mới đi được. Bây giờ ta không cho người đi đây. Nó liền dùng thân quấn vào gốc cây ba vòng, trong ba ngày không buông thả. Đầu do đó không đi đâu được để kiếm đồ ăn uống, đói khát sắp chết.

Đầu nói với đuôi:

–Người nên buông thả ra. Ta chấp nhận cho người làm lớn.

Đuôi nghe nói vậy mới buông ra. Đầu nói với đuôi:

–Người muốn làm lớn, ta chấp nhận để người đi trước.

Đuôi mò mẫm đi trước, chưa được vài bước đã bị rơi vào hầm lửa mà chết.

Câu chuyện thí dụ này nói: Ở trong chúng Tăng, hoặc có vị Thượng tọa, Đại đức thông minh, có thể phán đoán pháp luật. Có người cấp dưới không chịu tuân theo. Khả năng của vị Thượng tọa không thể chế phục, liền nói: “Nếu muốn vậy thì tùy ý”. Do đó những lợi ích chung đều sẽ bị rơi vào sai phạm. Ví dụ như rắn bị rơi vào hầm lửa vậy.

M

26- Ngày xưa có thợ săn giăng lưới nơi rừng vắng bắt chim, đem đồ ăn chim ưa thích đặt ở trong lưới. Các loại chim cùng bạn bè tranh nhau bay đến ăn. Thợ săn kéo lưới sập xuống, các loài chim đều lọt vào trong lưới.

Bấy giờ có một con chim lớn đủ sức mạnh, dùng thân cất bồng lưới lên, cùng với các loại chim khác cùng nhau bay đi. Thợ săn thấy vậy liền đuổi theo. Có người nói với thợ săn:

–Chim thì bay cao trên hư không mà người thì đi bộ ở dưới, sao mà ngu vậy?

Thợ săn trả lời:

–Không đúng như vậy đâu. Chim kia khi trời tối tìm chỗ nghỉ, do ý hướng bất đồng sẽ tự rơi xuống.

Người thợ săn cố đi theo, không chịu bỏ. Trời sắp tối, ngược xem các loại chim bay ngược xuôi cạnh tranh nhau hoặc muốn hướng về phía Đông, hoặc muốn bay về phía Tây, hoặc mong lên núi cao, hoặc muốn xuống vực sâu. Do bất đồng như vậy, chỉ trong chốc lát tất cả liền bị rơi xuống. Thợ săn bắt được, lần lượt giết chết. Thợ săn bắt chim ví như ma Ba-tuần. Người trướng lưới ví như kết sử. Mạng lưới mà bay ví như người chưa lia kết sử mà muốn mong ra khỏi ba cõi. Trời tối muốn tìm chỗ nghỉ ví như người sinh tâm biếng nhác không chịu tiến lên. Tìm chỗ nghỉ không đồng, ví như sinh khởi sáu mươi hai kiến chấp thường trái nghịch nhau. Các loài chim bị rơi xuống đất như người chấp nhận pháp tà, quả báo sẽ bị đọa địa ngục.

Nhân đây chúng ta biết rõ kết sử trần cấu là lưới ma vậy.

M

27- Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, có năm trăm lực sĩ đều xuất gia làm Sa-môn. Các vị ấy ở một chỗ với nhau để cùng tọa thiền, tụng kinh.

Thời ấy có kẻ xấu làm giặc đến cướp hết y bát của các thầy, chỉ còn Nê-hoàn-tăng (áo lót) để lại.

Sau khi giặc đi rồi, các thầy Sa-môn chỉ mặc áo Nê-hoàn-tăng cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật, thưa lại với Ngài việc xảy ra ở trên. Phật dạy các Sa-môn:

–Các thầy sao không la lớn lên?

Các Sa-môn thưa:

–Đức Thế Tôn chưa cho phép nên không dám la lớn.

Đức Phật dạy các thầy Tỳ-kheo:

–Các thầy nếu không dám la lớn, có ngày giặc họ lấy y bát nữa, ai sẽ phải cung cấp thường cho các thầy? Từ nay về sau Ta chấp nhận cho các thầy, khi thấy giặc cướp đến có thể la lớn, cầm gậy, nắm đá dọa cho họ sợ hãi phải bỏ đi, đừng có làm tổn hại họ là được.

Chỗ quý trọng của con người là thân thể, mạng sống và tài sản. Ba thứ này cũng không nên mến tiếc mà cũng không nên khinh thường. Không nên mến tiếc vì thân vô thường dễ hư hoại, không vững chắc. Người ngu mê lầm cho là vật của ta, sinh ra tham ái, mến tiếc, làm nhân duyên cho các lỗi lầm, sau này phải đọa vào đường ác. Cho nên nói thân không phải là thứ để mến tiếc vậy.

Còn không thể khinh là do nhờ có thân mà gặp được Thánh hiền để làm các công đức quỳ gối, chấp tay, nghênh đón, lễ bái. Nhờ đó sau này sẽ được thân báu như Kim cang, không thể hoại được. Cho nên nói không nên khinh thường thân.

Thân mạng này không nên tiếc là vì con người thường vì thân mạng mà phải sát sinh, trộm cắp, tà dâm, miệng phạm bốn lỗi, ý sinh tham, sân, si, tà kiến, sau này sẽ đọa địa ngục. Cho nên nói không nên mến tiếc thân mạng.

Nhưng thân mạng cũng không thể khinh là vì nhờ có thân mạng này nên thường được gặp Thánh hiền, thường được nghe Phật pháp, hiểu ý nghĩa tinh vi, sâu xa, thấm sâu vào tinh thần để trọn đời tu hành, sau được thân mạng quý báu, sống lâu không cùng tận. Cho nên nói cũng không thể khinh.

Tiền tài cũng không nên để ta mến tiếc: vì tiền tài thuộc phần của năm nhà (*trộm cướp, nước trôi, lửa cháy, quan tịch thân, con hư*). Chỉ cần một trong năm nhà kể trên đến viếng thì tiền tài hết sạch. Cho nên nói tiền tài không nên mến tiếc là vậy.

Nhưng tiền tài cũng không nên khinh thường là vì nếu gặp ruộng phước dùng nó đem ra bố thí, mỗi mỗi cúng dường không có mến tiếc, sau sẽ nhận được tiền tài, của báu ẩn tàng ở trong bốn đại. Khi đã có nhiều của báu, cứu giúp được khắp cùng, tất cả người nghèo cầu xin đều được thỏa mãn. Cho nên nói tiền tài cũng không thể khinh.

Luận rằng: người làm việc phước đức đều nên hướng tâm cầu thành Phật, không nên chỉ mong được hưởng quả báo trời người. Vì sao vậy? Ví như trồng cây lúa chỉ mong hái hạt của nó, hạt tuy chưa chín mà cành, nhánh, lá tự nhiên đã được. Bố thí làm phước cũng lại như vậy.

Phát tâm tu hành chỉ cầu thành Phật, đạt đến Niết-bàn. Tuy khi chưa được thành đạo mà niềm vui cao tột trong trời người như Kim luân, Thánh chúa, Đế Thích, Phạm

vương tự nhiên đều được. Cũng như trồng cây lúa, không mong cầu nhánh lá mà tự nhiên đều được. Do vậy, người tu hành không nên chỉ cầu quả báo an vui của trời, người.

M

28- Ngày xưa, ở Thiên trúc có mười vạn Sa-môn cùng sống chung trong một tự viện, trong số đó hơn năm vạn người đã được đạo quả A-la-hán, thấu triệt sáu phép thần thông, các lậu hoặc đã hết. Còn lại năm vạn Sa-môn kia, hoặc có những vị được đạo quả dười, hoặc có vị chưa được.

Thời ấy có một trưởng giả ở trong vùng gần tự viện vì muốn mong cầu cho mình thường được hưởng phước báo trời người, nên đến tự viện bày biện đồ ăn uống, cúng dường chúng Tăng.

Lúc bấy giờ có một Thượng tọa đã thành tựu sáu phép thần thông, là bậc A-la-hán. Ngài đã già nua, tóc bạc, răng rụng, hình thể khô gầy, là hàng Thượng thủ của mười vạn Sa-môn ấy, đại diện chúng Tăng, vì trưởng giả mà chú nguyện. Sau khi đã thọ trai, rửa bát xong, ngài nói với trưởng giả:

–Này đàn-việt, nay ông làm việc bố thí này, không khéo sẽ mắc tội lớn.

Khi ấy trong hội, những vị chưa được đạo đều nói:

–Thượng tọa, ngài già cả nên nói có nhầm lẫn.

Thượng tọa nói:

–Việc kia sự thật là vậy, ta không nói nhầm lẫn đâu.

Mọi người hỏi:

–Vị ấy gieo giống phước, sao ngài nói sẽ mắc tội?

Thượng tọa dạy:

–Các vị chỉ biết một mà không biết hai, vị ấy gieo phước thì về sau sẽ thọ hưởng phước báo trong cõi trời, người. Khi ở trong cảnh vui sướng sẽ sinh tâm kiêu mạn, tự cho là đã quá đầy đủ, không mong cầu giải thoát; thấy Phật không tôn trọng, gặp kinh không đọc tụng, học hỏi; thấy Sa-môn không có lòng tôn kính, buông lung, phóng túng. Khi phước hưởng hết sẽ phải bị đọa vào đường ác vô số kiếp, khi tội hết mới được ra khỏi.

Sở dĩ con người mắc phải tội lớn là vì nguyên nhân muốn được quả báo ở thế tục vậy. Trái lại, nếu có tâm hướng về Thánh đạo giải thoát, mà tu phước thiện thì sau này sẽ được giải thoát an lạc, phước báo không cùng và không bao giờ phải chịu ác báo.

M

29- Ngày xưa có hai người nghèo ở nước Thiên trúc, đời sống lẩn tiện, thường ra chợ bán sữa làm kế sinh sống. Hằng ngày đội bình sữa trên đầu ra chợ bán.

Một hôm, gặp lúc trời mưa, đường bị bùn lầy trơn trượt, một người có trí suy nghĩ: “Hôm nay trời mưa, đường ra chợ bùn trơn trượt khó đi, nếu ta bị té sẽ làm vỡ bình đổ sữa. Nay ta rút phần sữa quý để dành, nếu lỡ bị té ngã thì không mất mát gì bao nhiêu.”

Một người khác thiếu trí, đội hết bình sữa ra chợ. Trên đường đi, bùn trơn, hai người đều bị ngã vỡ bình. Một người sầu buồn, lăn lóc trên đất, còn một người thì thản nhiên, không có nét mặt buồn rầu ân hận. Có người thấy vậy, hỏi:

–Các người cả hai đều bị bể bình sữa, đều thiệt hại như nhau. Vì sao chỉ có một người sầu não, khóc than ân hận? Còn một người thì an nhiên không thấy sầu buồn?

Một người đáp:

–Tôi mang nguyên bình sữa, nay bị vỡ mất sạch. Vì vậy nên tôi buồn, ân hận không thể tự chế.

Một người khác đáp:

–Trước khi mang sữa ra chợ, tôi đã lấy bớt phần sữa ngon, nay bình bị hư hoại như vậy thì không mất mát gì bao nhiêu. Vì vậy mà tôi vẫn thản nhiên, không lấy đó làm ân hận. Bình sữa ví cho thân của chúng ta. Sữa ngon quý ví cho tiền tài vật chất. Có người xan tham lẫn tiếc tiền tài, vật báu, tham cầu lợi ích hiện tại, không nghĩ đến cảnh vô thường. Khi bỏ thân mạng như bình bị vỡ; cũng ví như người kia bị đổ mất sữa quý, dù hối hận, ăn năn cũng không còn kịp.

Trái lại có người nhờ tin một cách sâu sắc quả báo đời sau nên họ có tiền tài, vật báu đều đem ra bố thí, cúng dường, dù có mất thân mạng như bình bị vỡ, nhưng sự thiệt hại chẳng là bao. Cũng ví như người kia, bình sữa tuy bị vỡ mà mất mát rất ít, nên tâm người kia thản nhiên không ân hận.

M

30- Ngày xưa có năm trăm thương khách, nướng thuyền vào biển muốn tìm của báu. Gặp lúc cá Ma-kiệt ngược đầu, há miệng muốn ăn nuốt chúng sinh. Lúc ấy thời tiết thuận, gió tuy thổi nhẹ nhưng thuyền lại đi nhanh như tên bắn. Chủ thương khách thời ấy tên là Tát-bạc, nói với mọi người:

–Thuyền đi quá nhanh, nên hạ buồm xuống.

Đã hạ buồm xuống rồi mà thuyền đi càng nhanh, không thể dừng lại được. Ông chủ Tát-bạc hỏi người ngồi trên tầng cao:

–Người thấy có gì lạ không?

–Tôi thấy ở trên có hai mặt trời xuất hiện, phía dưới núi trắng, ở giữa có núi đen.

Ông chủ Tát-bạc kinh hãi nói:

–Chúng ta đang gặp cá lớn, phải làm sao đây? Ta và các người đều gặp nguy khốn, nếu rơi vào bụng cá khó mà được sống! Các người nên tùy chỗ tôn thờ của mình mà hết lòng cầu nguyện.

Khi ấy mọi người tùy chỗ tín ngưỡng, đều đem thân mạng nướng về một lòng cầu được thoát tai ách này. Người cầu càng gấp, thuyền đi càng nhanh. Chỉ trong chốc lát nếu không dừng lại được sẽ vào miệng cá. Khi ấy ông chủ Tát-bạc bảo mọi người:

–Ta có danh hiệu thần lực rất lớn gọi là Phật, các người nên bỏ chỗ tôn thờ riêng mà cùng ta hết lòng xưng niệm.

Khi ấy năm trăm người đều niệm lớn:

–Nam-mô Phật!

Cá nghe được người xưng niệm Phật, liền suy nghĩ: “Ngày nay thế gian còn có Phật, ta sao lại nhẫn tâm làm tổn thương, sát hại chúng sinh?”. Khi nghĩ đến đó, cá ngậm miệng lại, nước liền chảy đảo ngược và nhờ đó mà đoàn thuyền được đưa ra xa khỏi miệng cá. Tất cả mọi người đi buôn đều được thoát nạn.

Con cá lớn này đời trước đã từng là Đạo nhân, vì tạo tội nên phải làm thân cá, nhờ nghe được tiếng niệm Phật nên nhớ lại đời trước của mình, vội suy nghĩ liền phát sinh tâm lành.

Nhân đây chúng ta có thể rõ: Năm trăm người đi buôn một lòng tạm thời xưng niệm Phật, liền được giải thoát nạn lớn. Nếu chúng ta chuyên tâm niệm Phật tam-muội

thì tội nặng chuyển thành nhẹ, tội nhẹ sẽ hết. Ứng nghiệm như chuyện kể trên cũng chưa lấy làm nhiều vậy.

M

31- Đến lúc kiếp tận, lửa sẽ thiêu đốt người và vật; tất cả đều không còn. Nhân do năng lực tạo phước đức của chúng sinh, cho nên có gió ở mười phương thổi tới. Gió nhiều mặt, thứ lớp thổi nên có thể duy trì biển nước. Trên mặt nước hiện ra một người có ngàn đầu, hai ngàn tay chân, tên là Vi Tế. Vị ấy trong rốn hóa sinh một ngàn cánh sen sắc vàng; ánh sáng của nó rực rỡ như ngàn mặt trời soi chiếu. Trong hoa sen có người ngồi kiết già, vị ấy cũng có vô lượng ánh sáng, đó là vua Phạm thiên, từ ý hóa sinh tám ngàn người con, do tám ngàn vị ấy mà sau đó có ra vũ trụ con người. Phạm Thiên vương này đối với dâm dục, sân hận đều đã diệt sạch, cho nên sau này nếu có người tu hành thiền định nào mà được thanh tịnh, không còn tham dục, gọi là tu hành Phạm hạnh. Đức Phật chuyển pháp luân cũng gọi là Phạm luân.

Do Phạm thiên vương lúc đầu ngồi trên hoa sen, vì vậy chư Phật tùy thuận thế tục cũng thường ngồi kiết già trên tòa sen báu nói Sáu ba-la-mật, người nghe pháp này liền được bước lên quả vị (Phật) Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ngày xưa, vào thời Đức Phật còn tại thế, có một người con gái thuộc dòng tộc quý phái sắc mặt đoan chánh, dung mạo trang nghiêm, đỉnh đạc, sau phát tâm xuất gia tu học, được quả Ứng chân.

Một hôm, cô đi một mình trong rừng vắng ở ngoài thành, trên đường đi gặp một người đàn ông. Vị ấy vì thấy Tỳ-kheo-ni dung mạo đoan chánh, sinh tâm đấm trước, liền đứng chặn ngang trước mặt mà nói:

–Nếu cô không theo tôi, tôi không cho đi!

Tỳ-kheo-ni nói với anh ta:

–Ý nghĩ và hành động không trong sạch sẽ đưa đến con đường tội lỗi. Thân thể, đầu, mắt, tay chân con người đâu có gì đáng tham?

Anh chàng kia liền nói với Tỳ-kheo-ni:

–Tôi mến đôi mắt đẹp của cô.

Vị Tỳ-kheo-ni liền dùng tay phải móc một con mắt đưa cho anh ta, máu chảy phủ cả mặt. Anh chàng kia khi đã thấy vậy, ý tham dục liền dứt, sợ hãi bỏ đi.

Tỳ-kheo-ni tay cầm con mắt đi đến chỗ Phật và nhờ oai thần của Phật, con mắt của cô được phục hồi như cũ. Cô hướng về Đức Phật thưa lại sự việc đầy đủ. Đức Phật nhân việc này kiết giới:

–Từ nay về sau không cho phép Tỳ-kheo-ni ở ngoài thành và đi một mình trong xóm làng.

M

32- Cỏ cây trong thiên hạ đều có thể làm thuốc. Người không thiện nghệ trong nghề thì không thể biết vậy.

Ngày xưa có một vị Thánh y tên là Kỳ-vực, có khả năng hòa hợp, chế biến các cây cỏ thuốc, tạo thành hình dạng một chú bé, người nào thấy được hoan hỷ, các bệnh đều lành. Ông ta hoặc dùng một thứ cỏ thuốc trị lành các bệnh, hoặc dùng các thứ cỏ thuốc trị lành một bệnh. Như vậy cỏ thuốc trong thiên hạ, thứ nào cũng dùng để trị bệnh được, ở trong thiên hạ, bệnh gì cũng trị lành được.

Khi lương y Kỳ-vực chết, tất cả cây cỏ thuốc trong thiên hạ đều khóc, cùng than rằng:

–Ta đều có thể dùng để trị lành bệnh, chỉ có ông lương y Kỳ-vực mới biết được ta. Nay ông đã chết, không ai có thể biết rõ ta. Người đời sau hoặc dùng lầm; hoặc tăng, hoặc giảm, làm cho bệnh không lành, khiến người đời cho rằng ta không có thần hiệu.

Suy nghĩ như thế nên chúng buồn khóc. Chỉ có một cây Ha-lê-lặc đứng một chỗ riêng không khóc, tự nói: “Với ta, các bệnh đều có thể trị. Dùng ta làm thuốc uống, các bệnh đều lành. Không dùng đến ta, các bệnh đều không lành, mà không cần có lương y sáng suốt, cho nên ta không khóc vậy.”

Ông Kỳ-vực ví như Đức Phật. Các cây cỏ thuốc ví như các pháp môn của Phật. Cây Ha-lê-lặc ví như pháp vô thường.

Như Đức Phật khi còn ở đời, khéo dùng đến năng lực của các pháp để chỉ dạy người tu hành. Như dùng dâm, nộ, si để làm thuốc trị lành bệnh đó cho người. Và các pháp lành khác tùy nghi mà dùng, không theo một nguyên tắc nào, ví như tùy bệnh mà lương y cho thuốc vậy.

Sau khi Đức Phật vào Niết-bàn, có ít người đủ khả năng khéo, dùng các pháp ứng hợp với căn cơ để tùy nghi trị liệu. Trái lại, chỉ dựa vào thành tựu của pháp vô thường cũng trị được nhiều bệnh; đồng thời cũng trị được bệnh dâm, nộ, si nếu quán pháp vô thường thì cũng trị được vậy. Người khéo dùng thì hay lành bệnh, người không khéo dùng cũng không bị tổn thương. Vì vậy cho nên pháp vô thường ví như cây Ha-lê-lặc.

Ngoài ra các pháp khác không dễ gì dùng được, người nào muốn dùng để tu hành cần phải gặp thầy sáng suốt. Người khéo dùng thì bệnh thuyên giảm, người không biết dùng thì bệnh tăng vậy.

M

33- Ngày xưa có một tên đồ tể còn trẻ đến gặp vua A-xà-thế cầu xin một ước nguyện. Vua hỏi:

–Người cầu xin điều gì?

Đồ tể tâu:

–Tâu Đại vương, đến ngày tiết hội cúng tế, vua cần mổ giết súc vật, nếu được chấp thuận, tôi sẽ xin hết lòng làm việc đó.

Vua nói:

–Việc chém giết, sát hại, người thường không ưa, vì sao người lại muốn làm?

Đồ tể thưa:

–Xưa tôi là người nghèo, nhờ siêng năng giết dê để nuôi sống nên sau khi chết được sinh lên làm Tứ Thiên vương. Hết thọ mạng ở cõi trời, sinh trong loài người tiếp tục làm nghề giết dê. Sau khi chết, lại được sinh lên cõi trời lần thứ hai. Như vậy, nhờ sáu lần ở trong nhân gian làm nghề giết dê, nhân đó mà được sáu lần sinh lên cõi trời, thọ hưởng phước báo không thể lường được. Vì lý do như vậy cho nên tôi xin tiếp tục được làm việc mổ giết.

Vua nói:

–Người đặt bày nói như vậy chứ làm sao người biết được?

Đồ tể thưa:

–Do tôi biết được kiếp trước.

Vua nghe qua không thể tin, cho là lời nói dối. Kể hạ tiện như vậy làm sau biết

được kiếp trước? Về sau, vua được gặp Phật, liền đem việc ấy thưa hỏi. Đức Phật dạy:

–Đúng như lời vị ấy nói, không phải dối. Vị ấy đời trước đã từng gặp Bích-chi-phật, khi thấy Bích-chi-phật thì hoan hỷ, hết lòng quán sát, chiêm ngưỡng từ đầu cho đến chân rồi phát thiện tâm. Do nhân duyên tạo công đức này, cho nên được sáu lần sinh lên cõi trời. Và khi sinh xuống cõi loài người, lại biết được đời trước của mình. Do phước đức đã thuần thực nên được sáu lần sinh trong cõi trời, người. Còn tội sát hại chưa thuần thực cho nên chưa chịu quả báo. Khi thân này thọ mạng đã hết mới đọa địa ngục, chịu tội đã giết dê. Khi tội địa ngục đã mãn, sẽ sinh trong loài dê nhiều lần để thường mạng. Vị ấy chỉ biết một ít đời trước là sáu lần sinh lên, trở xuống trong vòng trời, người, mà không biết về quá khứ đời thứ bảy, khi thọ thân người đã làm phước. Vì vậy nên hiểu lầm nhờ giết dê mà được sinh lên cõi trời.

Như vậy, đồ tể chỉ biết được kiếp trước chứ không thể hiểu được Tam minh, Lục thông.

M

34- Ngày xưa có một quốc vương rất hiếu tội phước, tin có quả báo, thường ưa bố thí, không bao giờ trái ý người xin, danh tiếng đồn khắp xa gần ai cũng nghe biết.

Lúc bấy giờ có một nước kế cận khởi binh đánh úp, vua tự nghĩ: “Nếu ta xua quân chiến đấu, gây cảnh can qua, rất nhiều người bị sát hại. Thà một mình ta chịu thiệt, không nên để trăm họ chết oan.”

Quân giặc tiến đến từ cửa thành phía Đông mà vào. Vua từ cửa phía Tây đi ra, rồi một mình đi vào rừng sâu mà lánh nạn.

Lúc bấy giờ có một Bà-la-môn từ phương xa đi đến, vì đi bằng đường rừng mà được gặp vua, hai người gặp nhau hỏi thăm. Vua hỏi vị Bà-la-môn:

–Ông từ đâu đến và muốn đi về đâu?

Bà-la-môn thưa:

–Tôi nghe quốc vương tên ấy... có lòng bố thí không trái ý người nên tôi từ xa lặn lội đi đến, muốn cầu xin bố thí.

Vua liền trả lời:

–Người mà ông vừa nói là tôi đây.

Bà-la-môn nghe qua rất kinh hãi, quái lạ, liền hỏi nhà vua:

–Vì sao hoàn cảnh của người phải như thế này?

Khi ấy nhà vua đem hết sự tình kể cho Bà-la-môn nghe. Khi nghe xong, ông ta ngã xuống đất bất tỉnh. Một lúc, vua liền đỡ dậy, dùng nước rưới trên mặt, sau đó ông mới tỉnh. Vua hỏi ông ta:

–Vì sao ngài phải buồn khổ như vậy?

Bà-la-môn nói:

–Tôi từ xưa đến nay nghèo cùng khổ, không có tiền của cho nên mới từ xa đến đây, muốn xin ngài một ít tiền tài vật báu. Nay gặp phải lúc vua như thế này cho nên trong lòng áo não không thể chịu nổi.

Vua liền an ủi Bà-la-môn:

–Ông chớ sầu lo. Ta sẽ giúp cho ông được nhiều tiền tài, vật báu.

Rồi vua nói tiếp:

–Vị vua kia tuy lấy được nước ta, mà chưa bắt được ta. Ông ta đang ra lệnh truy tìm. Nếu ai bắt được, sẽ tặng thưởng rất lớn. Bây giờ ông hãy trốn ta lại, đem đến cửa

thành, vua kia sẽ hoan hỷ và trọng thưởng cho ông.

Khi ấy vị Bà-la-môn liền làm theo như vậy, dùng cỏ kết thành dây trói tay vua lại, đem đến cửa thành. Người giữ cửa thấy được, chạy vào cấp báo với nhà vua. Tân vương nghe qua rất kinh dị và cũng rất mừng, liền ra lệnh cho người gác cửa:

–Hãy dẫn cựu vương và Bà-la-môn đến đây.

Vua hỏi Bà-la-môn:

–Người có phương cách gì mà bắt được vị ấy?

Bà-la-môn đáp:

–Thưa, tôi không có thuật gì khác. Nguyên vị này khi còn làm vua rất ưa bố thí, cho nên tôi nghe danh từ xa đến cầu xin, đang ở trong rừng thì gặp ông ta. Ông ta hỏi tôi: “Ông muốn đi đâu đây?”. Khi ấy tôi trả lời “Muốn đến chỗ quốc vương tên ấy...”. Ông ta lại nói với tôi: “Quốc vương tên ấy là tôi đây.” Tôi nghe nói vậy thất vọng quá, chết giấc, không còn biết gì cả. Ông ta đỡ tôi dậy, dùng nước rải trên mặt, khi tôi đã tỉnh, ông ta hỏi: “Vì sao người phải buồn khổ đến như thế?”. Tôi trả lời: “Đời trước tôi không biết bố thí cho nên sinh ra đời này nghèo cùng, nên tôi từ xa đến đây xin tiền tài vật báu, bỗng nguyện không được toại ý nên tự sinh tâm áo não.” Ông ta an ủi tôi: “Ông đừng buồn phiền lắm, tôi sẽ dùng thân này để cung cấp chỗ cần dùng cho ông.” Rồi ông ta bày cho tôi: “Ông đem dây trói tôi lại, đem đến cửa thành, vua kia sẽ ban thưởng cho ông.”

Khi tân vương nghe Bà-la-môn nói, ông rất xúc động, rơi nước mắt, liền bước xuống khỏi ngai vàng, đi đến ngồi xuống, nắm tay nói với cựu vương:

–Ngài mới thật là vua của nước này, còn tôi chỉ là giặc.

Liền khi ấy vua trao quyền lãnh đạo trở lại cho cựu vương, rồi xin quay về nước mình. Khi vua trở lại địa vị, liền ra lệnh thực hành chính sách như cũ.

Nhân đây chúng ta có thể rõ: Bồ-tát vốn là người phạm nên mới làm được việc nhân đức như vậy. Nếu người thường đối với kinh điển, phải phát tâm viết chép, in ấn, hết lòng học hỏi, trì tụng, thì trời và người ác không thể quấy nhiễu dễ dàng.

Có hai thứ giặc cướp:

1. Giặc cướp dùng sức của bàn tay.

2. Giặc cướp chỉ dùng phương tiện.

Giặc cướp dùng sức của bàn tay: Như tự tay đục tường, hoặc giả làm sư tử, hoặc là làm hình hoa sen để vào nhà người lấy đồ vật, không lấy hết đồ vật, chỉ lấy một ít, để lại cho chủ có sự sống bình thường, khiến cho người khen là giặc cướp tốt bụng. Nên sau đó họ trở về thay y phục, cùng với bạn bè đi đến nhà mất đồ vật thăm viếng. Khi ấy mọi người thấy chỗ đục vách tường của giặc cướp, đều nói đây là loại giặc cướp tinh xảo.

Lúc đó có một thứ giặc cướp, phương tiện ẩn trong y phục của các Phạm chí, cũng hiện diện trong ấy, ông ta liền nói:

–Đây chẳng phải là loại giặc cướp tinh xảo, vì dùng sức quá nhiều mà được vật quá ít.

Thế nào là tinh xảo? Chỗ cốt yếu là dùng sức ít mà được vật nhiều mới gọi là xảo.

Khi ấy có một kẻ cướp chỉ biết dùng sức mạnh của bàn tay, rất để ý lời phát biểu trên, nên đợi mọi người đi hết mới theo người kia mà hỏi:

–Thế nào gọi là giặc cướp dùng phương tiện?

Ông ta trả lời:

–Người muốn biết, chỉ cần theo ta mà hành động một tháng hơn, vào một ngày nào

đó người sẽ tự biết.

Khi ấy kẻ cướp dùng phương tiện liền ra tay phương tiện: Ông ta ẩn trong trang phục của Phạm chí, đi đến nhà của một trưởng giả rất giàu có. Ông đi đến nói với trưởng giả:

–Tôi cần một vật mọn, mong trưởng giả giúp tôi, nếu không bằng lòng cũng tốt.

Khi ấy vị trưởng giả biết Phạm chí kia muốn xin may một cái y, liền nói:

–Tôi sẽ cung cấp cho.

Trong thời gian chưa nhận được, ông ta sau đó đến nói:

–Ông trước đã có hứa với tôi, ý định đó có thể thực hiện được không?

Trưởng giả trả lời:

–Đã hứa sẽ được.

Như vậy, ông đến đủ ba lần để làm bằng chứng cho mọi người biết. Sau đó ông ta làm đơn đem lên trình quan và nói:

–Vị trưởng giả tên ấy mượn của tôi mười vạn lượng vàng, ông ta không muốn trả lại cho tôi.

Kẻ cướp liền dùng người quản gia của vị trưởng giả để làm chứng cho việc ấy. Khi ra tòa, vị quan đã thấy đủ mặt người làm chứng và vị trưởng giả.

Vị quan tòa hỏi người làm chứng:

–Việc ấy có thật như vậy không?

Người làm chứng thời ấy đáp:

–Thật đúng như vậy.

Quan nghe vậy liền ra lệnh vị trưởng giả phải trả vàng lại cho Phạm chí. Giặc cướp dùng phương tiện không cần dùng sức mà vẫn được tài vật nhiều là như vậy đó.

Trong đạo Phật, công đức tùy hỷ cũng như vậy.

M

35- Có loài rồng đủ khả năng làm mưa, rưới khắp trong một nước, hoặc hai, hoặc ba, cho đến khắp cả Diêm-phù-đề. Tâm của rồng tự nghĩ: “Ta muốn giữ nước mưa không bị khô thì chỗ nào có thể giữ được?”. Suy nghĩ kỹ các nơi khác đều không giữ được, chỉ có rưới nước mưa trong biển lớn thì sẽ không bị khô.

Câu chuyện thí dụ này nói: Bồ thí ít mà được quả báo không cùng tận, điều duy nhất là nhờ đặt đố trong biển giáo pháp của Đức Phật.

Đây cũng nói rõ: Nước mưa cùng trí của rồng hợp nhau là nươg gá đúng chỗ nên không khô héo. Bồ thí cùng Bát-nhã hợp, gọi là đặt đố đúng chỗ, nên không khô kiệt vậy.

M

36- Chuyển luân thánh vương sở dĩ có xe báu Kim luân vì trời Đế Thích thường ra lệnh cho Tứ Thiên vương một tháng sáu ngày xem xét hành vi thiện ác của con người trong thiên hạ.

Tứ Thiên vương và thái tử làm sứ giả, thấy có đức vua trong một nước lớn dùng mười điều lành và bốn pháp Từ, Bi, Hỷ, Xả để cai trị nhân dân, tâm lo lắng, ân cần giúp người và vật, giống như người cha lành thương mến đàn con. Sứ giả mới đem việc này thưa với trời Đế Thích. Vua trời nghe qua rất hoan hỷ và cũng khen ngợi tài đức của vua kia, liền ra lệnh cho Tỳ-thủ-yết-ma ban xe báu Kim luân cho vua. Tỳ-thủ-yết-ma liền

lấy xe báu Kim luân đem trao cho Tỳ-sa-môn Thiên vương. Tỳ-sa-môn lại đem trao cho Phi hành Dạ-xoa. Phi hành Dạ-xoa mang xe đến cho Đại quốc vương. Tỳ-sa-môn Thiên vương ra lệnh cho Dạ-xoa:

–Người hãy vì đức vua giữ gìn xe báu Kim luân này và nên tôn vua lên trên đầu cho đến hết đời của vua, không được nửa chừng xả bỏ.

Từ đấy, vị Dạ-xoa thường vì vua giữ gìn. Thánh vương muốn đi đâu, tất cả đều được tùy ý. Khi đức vua thọ mạng đã hết, Dạ-xoa mới đem trao lại cho Tỳ-sa-môn Thiên vương. Tỳ-sa-môn trao lại cho Tỳ-thủ-yết-ma, Tỳ-thủ-yết-ma lại bỏ vào trong kho báu.

M

37- Ngày xưa có vị vua cõi trời Đại phạm tên là Bà-già, do tạo nhân lành đời trước nên sống rất lâu. Thọ mạng của vị vua trời này trải qua đến bảy mươi hai lần thọ mạng của các Phạm thiên khác. Vì sống rất lâu cho nên ông sinh tâm tà kiến, cho rằng: “Ta là thường còn” và nghĩ: “Ta cũng được tự tại. Từ nay về sau, ai muốn được thấy ta, nếu ta chấp nhận cho đến yết kiến thì mới được diện kiến, không chấp nhận thì phải dừng lại.”

Đức Phật dùng đạo nhãn quán sát tâm ông ta, nên cùng với Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và bốn đệ tử lớn đều bay lên ngồi trên đỉnh đầu của vua trời kia, Xá-lợi-phất đứng hầu bên phải, Mục-kiền-liên bên trái, Ca-diếp hầu phía trước, Đại Ca-chiên-diên đứng phía sau. Phật bảo Phạm vương:

–Người tự cho là thường còn, là tự tại, Ta nay vì sao lại ngồi được trên đỉnh đầu của người?

Thế Tôn lại hỏi:

–Người nhận thấy thế nào mà tự cho mình là thường còn, là tự tại?

Phạm vương thưa:

–Tôi ở trong cõi Phạm thiên này, có đến bảy mươi hai lần các Phạm thiên khác thứ lớp thọ mạng đã hết mà tôi thì không bao giờ hết, lại còn được hưởng ba phước đức lớn, trời người đều hết mà tôi không bao giờ hết. Do nhân duyên như vậy nên tôi tự cho là thường còn.

Đức Phật dạy Phạm vương:

–Ta là Bạc Nhất Thiết Trí, có thể thấy khi người mới sinh, cũng thấy khi người chết và cũng thấy rõ sự thật của các pháp không có sai lầm. Người chớ ngu si, mê hoặc tự cho là thường còn.

Phạm Thiên vương biết được Túc mạng, muốn thử xem Phật có rõ biết không, liền bạch Đức Phật:

–Ngài có biết tôi từ nguyên nhân nào mà được sống lâu không?

Đức Phật dạy Phạm thiên vương:

–Người đã từng làm một vị tu Tiên được năm phép thần thông. Thấy có nhiều người nướng thuyền vào biển, lúc ấy gió mạnh đột nhiên nổi dậy, sóng nước đầy trời, người khi ấy dùng năng lực thần thông của mình cứu vớt, dẫn dắt mọi người đều được lên bờ, khiến cho tất cả đều thoát nạn chết đuối. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

Lại nữa, vào một kiếp khác người đã từng làm quan của một nước lớn, có một xóm làng vi phạm pháp luật của vua, vua rất giận, muốn giết sạch xóm làng ấy. Người thời bấy giờ vì thương xót nên đem hết tài sản của mình làm một đường hầm khiến cho mọi người nhờ đó mà được thoát chết. Đây là nguyên nhân thứ hai vậy.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Do hai nguyên nhân này cho nên người được sống lâu như thế. Từ nay trở về sau còn trải qua ba mươi sáu kiếp nữa, thì thọ mạng của người sẽ hết.

Phạm Thiên vương nghe Đức Phật dạy như vậy liền phát sinh tín tâm, hết lòng chánh niệm tư duy, được đạo quả A-na-hàm.

Vị Phạm Thiên vương do nhân duyên như thế mà được thọ mạng lâu dài như vậy, huống gì Đức Phật ở trong vô số kiếp, tích chứa các thệ nguyện rộng lớn, Từ bi cứu giúp chúng sinh, có người cần đâu cho đâu, cần mắt Ngài bố thí mắt, tất cả mong cầu của chúng sinh, Ngài đều tận tâm cung cấp. Cho nên thân Như Lai trùm khắp cả hư không cũng chưa lấy làm lớn, thọ mạng của Ngài nhiều số kiếp như vi trần cũng chưa phải là nhiều vậy.

